

*Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2020*

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2018 – 2019, 2019 – 2020,**  
**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2020 – 2021, 2021– 2022**

Năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020 diễn ra trong bối cảnh cả nước thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 2016 – 2021. Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Luật Giáo dục Đại học năm 2018, Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên. Đại học Huế (ĐHH) và các đơn vị thành viên (ĐHTV), đơn vị thuộc (ĐVT) và đơn vị trực thuộc (ĐVTT) thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2018 – 2019, 2019 – 2020**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2018 - 2019, 2019 - 2020**

**1. Công tác chính trị tư tưởng**

***1.1. Kết quả đạt được***

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tổ chức các hoạt động nhân dịp kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019) và 130 năm Ngày sinh của Người (19/5/1890 - 19/5/2020)<sup>1</sup>. Quán triệt và triển khai nghiêm túc các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương mới của ngành giáo dục.

---

<sup>1</sup> Hội thảo khoa học “Bác Hồ với giáo dục” nhân dịp kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019); Hội thảo khoa học “Huế - Hà Nội - Sài Gòn trong hành trình di sản và an ninh quốc gia” nhân dịp kỷ niệm 130 năm Ngày sinh của Người (19/5/1890 - 19/5/2020) và chào mừng kỷ niệm 60 năm Lễ kết nghĩa Huế - Sài Gòn - Hà Nội (8/10/1960- 8/10/2020).

- Tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ ĐHH lần thứ VI nhiệm kỳ 2020 – 2025; Đại hội các đảng bộ, chi bộ cơ sở nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên, tạo sự thống nhất về tư tưởng, hành động trong quá trình thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Các ĐVTV, ĐVT và ĐVTT tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương, cuộc vận động của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục, góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, giải quyết kịp thời những tồn tại, vướng mắc, xây dựng và củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong toàn ĐHH.

Đánh giá chung: Đa số viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, phấn đấu và kiên định thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển ĐHH trở thành Đại học Quốc gia.

### **1.2. Tồn tại hạn chế**

- Một số viên chức, người lao động chưa nêu cao ý thức trách nhiệm trong công tác; một số đơn vị chưa thực sự chăm lo xây dựng khối đoàn kết nhất trí cơ quan, đơn vị. Sinh viên còn thiếu năng động, sáng tạo, ngại tham gia các sinh hoạt chính trị, xã hội của các tổ chức đoàn thể.

- Hình thức giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cho người học có chuyển biến nhưng chưa đạt kết quả cao; cán bộ chủ chốt của Đoàn và Hội có nhiều biến động, thay đổi nên chưa có nhiều hoạt động thật sự nổi bật và phát huy tính hiệu quả trong các hoạt động Đoàn, Hội.

## **2. Công tác tổ chức cán bộ**

### **2.1. Kết quả đạt được**

- Thực hiện công tác tái cấu trúc ĐHH theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương khóa XII. Cho đến nay, bộ máy tổ chức ĐHH và các đơn vị sau tái cấu trúc ngày càng được tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả<sup>2</sup>.

- Tổ chức lại Viện CNSH thành đơn vị thành viên ĐHH. Thành lập Khoa Quốc tế, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ thuộc ĐHH. Giải thể Trung tâm GDQT, Viện NCGD&GLQT.

- Tích cực triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển ĐHH thành Đại học Quốc gia. Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 48-KL/TW, tháng 9/2019, ĐHH đã trình Bộ GDĐT Đề án “Phát triển ĐHH thành Đại học Quốc gia Huế”. Ngày 10/12/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 54-NQ/TW và ngày

---

<sup>2</sup>Sáp nhập Văn phòng Công đoàn, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Đảng ủy Cơ quan ĐHH vào Văn phòng Đảng ủy và đổi tên thành Văn phòng Đảng – Đoàn thể. Sáp nhập Ban HTQT và Ban KHCN&MT thành Ban KHCN&QHQT. Thành lập Ban ĐT&CTSV trên cơ sở hợp nhất Ban ĐT, Ban KT&BĐCLGD và Ban CTHSSV. Thành lập Ban KHTC&CSVC trên cơ sở hợp nhất Ban KHTC và Ban CSVC. Thành lập Viện ĐTM&CNTT trên cơ sở hợp nhất Trung tâm GDTX, Trung tâm CNTT và Trung tâm HL. Thành lập Trung tâm KN&ĐMST trên cơ sở nâng cấp Trung tâm KN&ĐMST thuộc Ban CTHSSV.

27/5/2020 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 83-NQ/CP thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW “về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó nhiệm vụ phát triển ĐHH thành Đại học Quốc gia là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 83-NQ/CP của Chính phủ.

- Tích cực phối hợp với Đại học Đà Nẵng, Đại học Thái Nguyên đề xuất, bổ sung, sửa đổi các nội dung thay thế Thông tư 08/2014 về Quy chế tổ chức của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên<sup>3</sup>. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHH<sup>4</sup>; Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng, Văn phòng Đảng - Đoàn thể, các Ban chức năng và Tạp chí Khoa học<sup>5</sup>.

- Hoàn thành thẩm định, phê duyệt Đề án vị trí việc làm các ĐVTV, ĐVT và ĐVTT giai đoạn 2019 – 2021 (trừ Khoa GDTC).

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý ĐHH nhiệm kỳ 2021 – 2026; quy hoạch, bổ sung quy hoạch chủ tịch hội đồng trường các trường ĐHTV; công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường các trường ĐHTV. Thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường ĐHTV; trưởng, phó các ĐVT và ĐVTT.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt là công tác quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý, tuyển dụng viên chức. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động, đảm bảo dân chủ, công khai, động viên được viên chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Khuyến khích, tạo điều kiện vật chất và tinh thần cho viên chức, người lao động tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Phối hợp với Bộ GDĐT tổ chức kỳ thi thăng hạng giảng viên chính tại ĐHH.

- Tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động phát triển cả về quy mô và chất lượng. ĐHH hiện có 4.088 viên chức lao động, so với 2 năm trước tăng 3,65%; tiến sĩ tăng 24,52%; giáo sư, phó giáo sư tăng 13,63% và thạc sĩ tăng 6,67%.

Đánh giá chung: Trong 2 năm qua, cơ cấu tổ chức của ĐHH và các ĐVTV, ĐVT và ĐVTT được sắp xếp, tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Bộ máy lãnh đạo, quản lý, điều hành có nhiều đổi mới và ngày càng ổn định. Viên chức quản lý ngày càng phát huy được năng lực trong công tác. Chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng cao; chức danh, trình độ của đội ngũ cán bộ tương xứng với vị trí, vai trò, nhiệm vụ được giao.

## **2.2. Tồn tại hạn chế**

- Các chỉ tiêu chưa đạt được: Chưa đạt chỉ tiêu 350 giáo sư, phó giáo sư.
- Chưa thành lập Trung tâm KĐCLGD, Tổng công ty cổ phần ĐHH (ĐHH-Holdings).

<sup>3</sup> Ngày 14/5/2020, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư 10/2020/TT/BGDĐT về quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên, thay thế Thông tư 08/2014.

<sup>4</sup> Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31/7/2020 của Hội đồng ĐHH.

<sup>5</sup> Quyết định số 522/QĐ-ĐHH ngày 30/3/2020.

- Việc thẩm định, phê duyệt đề án vị trí việc làm giai đoạn 2019 – 2021; việc triển khai hoạt động của Hội đồng trường các trường ĐHTV còn chậm. Việc điều chỉnh, bổ sung một số văn bản quản lý điều hành liên quan đến công tác tổ chức cán bộ chưa kịp thời.

### **3. Công tác đào tạo, bảo đảm chất lượng giáo dục và công tác sinh viên**

#### **3.1. Kết quả đạt được**

##### *a) Đào tạo đại học*

- Thực hiện tái cấu trúc ngành đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tạm dừng, xoá tên ngành, chuyên ngành không còn trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV, không tuyển sinh được trong 3 năm liên tiếp, không đảm bảo đội ngũ cán bộ cơ hữu theo quy định. Mở các ngành, chuyên ngành, liên ngành mới đáp ứng nhu cầu xã hội, có tính liên thông, tạo điều kiện học liên thông và học cùng lúc 2 văn bằng. Năm học 2018 – 2019, mở 19 ngành đào tạo mới, dừng 04 ngành cao đẳng, 18 ngành đào tạo đại học<sup>6</sup>. Năm học 2019 – 2020, đã ghép ngành, dừng đào tạo các ngành hẹp<sup>7</sup>, mở 8 ngành trình độ đại học<sup>8</sup> và 14 ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ<sup>9</sup>.

- Quy mô ngành đào tạo hiện có 146 ngành đào tạo đại học (tăng 22 ngành so với năm 2018). Quy mô sinh viên 46.373 (giảm 3,49% so với năm 2018). Trong 2 năm qua, ĐHH đã đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp hệ chính quy 18.126 sinh viên. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 6 tháng trên 80% và 01 năm trên 85%.

- Kiểm tra, rà soát đội ngũ giảng viên cơ hữu của ĐHH đứng tên và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn; cập nhật chuẩn đầu ra, triển khai đào tạo thực hành tại doanh nghiệp.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản quản lý, điều hành công tác đào tạo đại học, tạo sự thống nhất trong toàn ĐHH. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo, góp phần giữ vững nề nếp quản lý và thực hiện kế hoạch đào tạo. Ban hành các quy định quản lý đào tạo thống nhất trong toàn ĐHH<sup>10</sup>.

<sup>6</sup>Kinh doanh nông nghiệp, Hệ thống thông tin kinh tế, Tài chính – Ngân hàng (Trường ĐHKH); Khoa học đất, Công nghệ chế biến lâm sản, Lâm nghiệp đô thị (Trường ĐHNL); Hội họa, Điêu khắc (Trường ĐHNT); Sư phạm sinh học, Sư phạm tin học (Trường ĐHSP); Lịch sử, Sinh học, Vật lý học, Địa lý tự nhiên, Toán học, Toán ứng dụng, Kỹ thuật địa chất, Địa chất học (Trường ĐHKH).

<sup>7</sup>Hóa hữu cơ, Hóa vô cơ, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa phân tích để tuyển sinh ngành Hóa học; ghép các ngành Hình học và Topo, Toán giải tích, Đại số và Lý thuyết số để tuyển sinh ngành Toán học; ghép các ngành Văn học Việt Nam, Lý luận văn học để tuyển sinh ngành Văn học. Dừng ngành Động vật học.

<sup>8</sup>Quan hệ quốc tế (Khoa QT), Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (Khoa KTCN), Quản trị và phân tích dữ liệu (Trường ĐHKH), Nông nghiệp Công nghệ cao (Trường ĐHNL), Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn (Trường ĐHNL), Hộ sinh (Trường ĐHYD), Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế Quốc tế (Trường ĐHKH), Đề án theo cơ chế đặc thù ngành Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống (Trường Du lịch);

<sup>9</sup>Du lịch (ThS, Trường Du lịch), Khoa học Dữ liệu (ThS, Khoa KTCN), Khoa học MT (TS, Trường ĐHKH), Ngôn ngữ Trung Quốc (ThS, Trường ĐHNN), Sinh học (ThS, Trường ĐHSP), Toán học (ThS, Trường ĐHSP), Văn học (ThS, Trường ĐHSP), Hoá học (ThS, Trường ĐHKH), Sinh học (ThS, Trường ĐHKH), Toán học (ThS, Trường ĐHKH), Văn học (ThS, Trường ĐHKH), Quản lý Công nghệ thông tin (ThS, Trường ĐHKH), Kỹ thuật điện tử (ThS, Trường ĐHKH), Nông nghiệp hữu cơ (Viện CNSH).

<sup>10</sup>Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc ĐHH; Quy định quản lý các

### *b) Đào tạo sau đại học*

- Phân cấp mạnh công tác đào tạo sau đại học; rà soát, ban hành hệ thống văn bản quy định về đào tạo sau đại học và tạo nguồn dự bị tiến sĩ theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người học, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, giám sát các hoạt động đào tạo sau đại học.

- Đào tạo sau đại học hiện có 102 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ (tăng 16 chuyên ngành) với 3.455 học viên, 55 ngành đào tạo tiến sĩ (tăng 6 chuyên ngành) với 358 nghiên cứu sinh. Trong 2 năm qua, quy mô đào tạo thạc sĩ luôn ổn định và tăng 10% hàng năm. Quy mô đào tạo nghiên cứu sinh tuy giảm nhẹ so với giai đoạn trước, tuy nhiên chất lượng đầu vào tăng theo hướng nghiên cứu đảm bảo đầu ra chất lượng cao. Đã mở rộng hợp tác đào tạo, liên kết đào tạo trong nước và quốc tế, đào tạo cho CHDCND Lào theo Hiệp định giữa hai Chính phủ.

- Đào tạo đã kết nối với các đối tác, tăng cường đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên tốt nghiệp để tạo điều kiện làm việc tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc; phát huy vai trò của Viện tiếng Hàn (Kingsejong tại ĐHH) - là 1 trong 4 đơn vị đạt kết quả tốt nhất trong 162 trung tâm tiếng Hàn trên toàn thế giới; kết nối Công ty Canvas Gate và Công ty Annam để đào tạo tiếng Nhật và kết nối với các doanh nghiệp Hàn Quốc, Nhật Bản và Hoa Kỳ.

### *c) Khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục*

- Năm học 2019 – 2020, ĐHH được phân bổ 13.570 chỉ tiêu đào tạo đại học hệ chính quy cho 135 ngành<sup>11</sup>. ĐHH đã triển khai 3 phương thức xét tuyển<sup>12</sup>. Kết quả tuyển được 8.673 sinh viên, đạt 63,91%. Năm học 2020 – 2021, ĐHH được phân bổ 14.250 chỉ tiêu đại học hệ chính quy cho 146 ngành bằng 4 phương thức xét tuyển<sup>13</sup>. Kết quả tuyển được 9.910, đạt 70,36% so với chỉ tiêu tuyển sinh.

- Xây dựng chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục ĐHH giai đoạn 2021-2025. Rà soát đội ngũ giảng viên cơ hữu các ngành đào tạo và các ngành tuyển sinh không hiệu quả.

- Rà soát kế hoạch và tiến độ cải tiến chất lượng của các đơn vị đã hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo; báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo. Triển khai công tác đánh giá ngoài chương trình đào tạo. Trường ĐHYD đã hoàn thành kiểm định chất lượng cấp quốc gia 3 chương trình đào tạo<sup>14</sup>.

---

chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài; Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo qua mạng internet; Hướng dẫn xây dựng và thẩm định bài giảng điện tử nhằm thúc đẩy việc triển khai elearning; Quy định các học phần lý luận chính trị tương đương, thay thế trong chương trình đào tạo trình độ đại học; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, tuyển sinh và đào tạo dự bị tiến sĩ tại ĐHH; Quy định tổ chức và quản lý chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài...

<sup>11</sup> Bao gồm 430 chỉ tiêu đào tạo theo cơ chế đặc thù của Bộ GDĐT, 90 chỉ tiêu đào tạo liên kết với nước ngoài, 70 chỉ tiêu đào tạo theo chương trình tiên tiến và 150 chỉ tiêu đào tạo theo chương trình chất lượng cao.

<sup>12</sup> Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2019, xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 kết hợp với thi tuyển các môn năng khiếu hoặc dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT, kết hợp với thi tuyển các môn năng khiếu; xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT.

<sup>13</sup> Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT và theo Quy định riêng của ĐHH; xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT (học bạ); xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020; xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT hoặc dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 kết hợp với thi tuyển sinh các môn năng khiếu.

<sup>14</sup> Dược học, Y tế công cộng và Điều dưỡng.

Trường ĐHSP hoàn thành kiểm định chất lượng cấp quốc gia 3 chương trình đào tạo<sup>15</sup>. Trường ĐHNL chuẩn bị kiểm định chất lượng 3 chương trình đào tạo<sup>16</sup>.

- Xây dựng và cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu để xếp hạng ĐHH trên các bảng xếp hạng quốc tế. ĐHH được xếp thứ 7 tại Việt Nam (Webometrics tháng 7/2020) và top 401-450 đại học ở Châu Á của bảng xếp hạng QS.

- Công bố báo cáo 3 công khai chất lượng cơ sở giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học trên các trang thông tin của từng đơn vị.

*d) Công tác sinh viên, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo*

- Tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị, phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động phòng chống HIV/AIDS, ma túy, tội phạm và tệ nạn xã hội; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên. Ban hành Quy chế phối hợp giữa ĐHH với Công an thành phố Huế về quản lý an ninh, trật tự đối với học sinh, sinh viên cư trú; Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại ĐHH; Quy định quản lý sinh viên đi thực tập và làm việc ở nước ngoài.

- ĐHH được Bộ GDĐT chọn là một trong 3 đơn vị trên toàn quốc tổ chức thí điểm xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong trường đại học thuộc Đề án 1665; đồng thời, được giao thực hiện nhiệm vụ “Hỗ trợ hoạt động, liên kết của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị - xã hội” thuộc Đề án 844 “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

- Tổ chức các hoạt động về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo<sup>17</sup>, hình thành mạng lưới cố vấn hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp của sinh viên ĐHH. Tổ chức cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ĐHH; cuộc thi Hueuni Business Innovation Hackathon, Summer 2019<sup>18</sup>, trong đó có 01 dự án đạt giải Nhất cuộc thi Business Ideas toàn quốc năm 2019. Tổ chức chuỗi sự kiện Kick-off về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên trong các lĩnh vực: Ngoại Ngữ, Nông Lâm, Du Lịch, Công nghệ thông tin và Khoa học sức khỏe.

- Phối hợp với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT. Tổ chức các hoạt động ký kết hợp tác với các công ty, doanh nghiệp lớn nhằm hỗ trợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp<sup>19</sup>. Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, tập huấn kỹ năng, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

---

<sup>15</sup> Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Địa lý.

<sup>16</sup> Quản lý đất đai, Khoa học cây trồng, Lâm nghiệp.

<sup>17</sup> Với 23 sự kiện, gồm 03 diễn đàn, 02 talkshow, 05 sự kiện truyền thông và kết nối, 02 chương trình teambuilding thu hút sự trên 1.500 lượt tham gia; tổ chức 01 khóa đào tạo cố vấn khởi nghiệp cho 30 lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn; 03 khóa đào tạo giảng viên nguồn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho 90 cán bộ, giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn các tỉnh khu vực miền Trung và Tây Nguyên; 02 khóa đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, 03 khóa kỹ năng mềm cho 170 sinh viên.

<sup>18</sup> Các cuộc thi đã hỗ trợ gọi vốn thành công 03 dự án với tổng số vốn được cam kết đầu tư hơn 700.000.000 đ. Hỗ trợ hơn 20 nhóm dự án khác tham gia cuộc thi các cấp.

<sup>19</sup> Tập đoàn Vinpearl, Viettel, Canvas gate, Công ty CP chăn nuôi CP, Công ty 3S, Công ty Cổ phần Xây dựng, Dịch vụ và Hợp tác lao động (OLECO)...

Đánh giá chung: Công tác quản lý đào tạo ngày càng chặt chẽ, đi vào nề nếp; chất lượng đào tạo tiếp tục được giữ vững và nâng cao. Công tác bảo đảm chất lượng giáo dục được triển khai quyết liệt, có tác động tích cực đến ý thức cán bộ, viên chức lao động và sinh viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Tiếp tục giữ vững và phát huy môi trường học đường lành mạnh, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội. Các hoạt động khởi nghiệp đã góp phần thúc đẩy tính năng động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

### **3.2. Tồn tại hạn chế**

- Các chỉ tiêu chưa đạt được: 25 đến 30 chương trình đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài, chương trình có thoả thuận công nhận tín chỉ, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài; 8 đến 10 chương trình đào tạo song ngữ Việt – Anh hướng đến trao đổi tín chỉ với một số trường đại học khu vực Đông Nam Á; mỗi đơn vị có 1 đến 3 chương trình đào tạo hoàn thành tự đánh giá, đăng ký kiểm định theo chuẩn quốc gia và AUN – QA; 40 đến 50 chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng cấp quốc gia, 5 đến 8 chương trình tham gia kiểm định chất lượng AUN-QA.

- Công tác quản lý, mở ngành đào tạo chưa chặt chẽ, nhiều ngành đào tạo thiếu đội ngũ giảng viên cơ hữu. Chưa tập trung đầu tư phát triển các ngành mũi nhọn, trọng điểm, truyền thống và có thế mạnh của ĐHH.

- Việc thu hút sinh viên nước ngoài vào học còn hạn chế; chưa có cơ chế tạo ra tính chủ động trong học tập, nghiên cứu khoa học và tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của sinh viên. Các chương trình đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Anh tiếp tục gặp khó khăn do không thu hút được sinh viên.

- Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo còn chậm, chưa đến 5% tổng số chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng cấp quốc gia; chưa có nhiều chương trình được định hướng và đầu tư để kiểm định chất lượng cấp quốc tế.

- Các hình thức giáo dục chính trị tư tưởng cho học sinh, sinh viên chưa đa dạng; công tác quản lý sinh viên ở một số đơn vị có lúc chưa được chú trọng. Công tác quản lý sinh viên ngoại trú còn nhiều bất cập, chưa nắm bắt kịp thời tình hình sinh viên, nhất là quản lý sinh viên trong bối cảnh dịch COVID-19. Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được triển khai đa dạng, tuy nhiên chưa thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

## **4. Công tác khoa học công nghệ, quan hệ quốc tế**

### **4.1. Kết quả đạt được**

#### **a) Khoa học công nghệ**

- Đổi mới công tác quản lý KHCN theo hướng coi trọng quản lý dựa trên sản phẩm đầu ra hướng đến nâng cao chất lượng hoạt động KHCN. Ban hành Quy định tiêu chuẩn đề tài KHCN cấp khoa thuộc ĐHH<sup>20</sup>; Sổ tay hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ<sup>21</sup>; hướng dẫn thành lập doanh nghiệp KHCN tại ĐHH<sup>22</sup>. Giao chỉ tiêu thi

<sup>20</sup> Quyết định số 423/QĐ-ĐHH ngày 04/3/2020.

<sup>21</sup> Quyết định số 1186/QĐ-ĐHH ngày 09/9/2019.

<sup>22</sup> Quyết định số 754/QĐ-ĐHH ngày 01/6/2020.

đưa về công bố quốc tế, sản phẩm chuyên giao, thương mại hóa và đăng ký sở hữu trí tuệ; dùng email công vụ và tài khoản khoa học trực tuyến khi thực hiện đề tài KHCN; quy định khung kinh phí và sản phẩm tương ứng cho các đề tài khoa học công nghệ cấp ĐHH.

- Số lượng, nhiệm vụ, đề tài KHCN các cấp đều tăng so với giai đoạn trước, nhất là số lượng đề tài cấp ĐHH, đề tài cấp cơ sở gồm: 2 nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, 18 đề tài cấp Bộ, 01 chương trình KHCN cấp Bộ, 138 đề tài KHCN cấp ĐHH, hơn 300 đề tài KHCN cấp cơ sở. Nguồn thu từ hoạt động KHCN chiếm 5-10% tổng nguồn thu của ĐHH. Các sản phẩm nghiên cứu đã được chuyên giao hoặc có tiềm năng chuyên giao, thương mại hóa, đăng ký sở hữu trí tuệ có chuyển biến tích cực.

- Đa số đề tài, nhiệm vụ KHCN các cấp hoàn thành với các sản phẩm khoa học, đào tạo và ứng dụng đạt và vượt yêu cầu đặt hàng. Đặc biệt, các đề tài, nhiệm vụ KHCN đã đóng góp quan trọng vào sự gia tăng số lượng công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín. Số bài báo trên các tạp chí quốc tế tiếp tục tăng mạnh qua các năm<sup>23</sup>.

- Thực hiện cơ chế mới để phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh có khả năng giải quyết những nhiệm vụ lớn, trọng điểm về phát triển kinh tế, xã hội. Năm học 2018 - 2019, lần đầu tiên ĐHH tổ chức đăng ký, xét chọn và công nhận 12 nhóm nghiên cứu mạnh, ký hợp đồng đặt hàng nhiệm vụ với các nhóm nghiên cứu mạnh. Đến nay sau gần 3 năm hoạt động, các nhóm nghiên cứu mạnh đã phát huy tốt và có hiệu quả cao; đồng thời các nhóm nghiên cứu mạnh đã góp phần khuyến khích, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ kết hợp với đào tạo sau đại học, nhất là đào tạo tiên sĩ.

- Thực hiện đúng tiến độ Dự án “Xây dựng Tạp chí Khoa học ĐHH gia nhập cơ sở dữ liệu trích dẫn ACI”<sup>24</sup>. Nộp hồ sơ đề nghị Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm và nâng điểm cho các Tạp chí Khoa học ĐHH<sup>25</sup>. Tạp chí khoa học ĐHH đã được gia nhập DOAJ, tiếp tục khẳng định vị thế của một tạp chí có uy tín, đáp ứng các chuẩn quốc tế.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định 99/2014/NĐ-CP về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các cơ sở giáo dục đại học<sup>26</sup>. Đẩy mạnh thực hiện chính sách khen thưởng khuyến khích tài năng cho cán bộ giảng viên có công bố khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus; kinh phí khen thưởng năm 2019 gần 1,5 tỷ đồng, năm 2020 trên 2,1 tỷ đồng.

---

<sup>23</sup> Công bố trên Scopus: 191 (năm 2017), 249 (năm 2018), 283 (năm 2019), 400 (đến 23/12/2020). Công bố trên WoS: 201 (năm 2017), 247 (năm 2018), 270 (năm 2019), 340 (đến 23/12/2020).

<sup>24</sup> Ngày 16/12/2020, Hội đồng ACI đã có thông báo chính thức về việc Tạp chí Khoa học Đại học Huế (Khoa học Tự nhiên) được lập chỉ mục trong ASEAN Citation Index (ACI).

<sup>25</sup> Kết quả: có 22 Hội đồng tính điểm và nâng điểm các Tạp chí KHTN, XHNV, KH Trái đất Môi trường. Trong đó 5 Hội đồng đã nâng mức tính điểm từ 0.5-0.75 cho các Tạp chí KH ĐHH.

<sup>26</sup> Từ năm học 2018 - 2019 ĐHH đã điều chỉnh phân bổ khoản thu 5% nguồn thu hợp pháp theo hướng ĐHH điều hành 3% cho các đề tài nhiệm vụ cấp ĐHH và hoạt động KHCN chung khác, các ĐVTV, ĐVTT điều hành 2% cho đề tài, nhiệm vụ cấp cơ sở.



## *b) Quan hệ quốc tế*

- Kiện toàn các ban điều hành các dự án hợp tác quốc tế. Triển khai có hiệu quả 25 chương trình, dự án hợp tác quốc tế. Trong đó, lần đầu tiên ĐHH điều phối Dự án phát triển chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Sinh thái học Nông nghiệp và Dự án Phát triển chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Luật và chính sách về biến đổi khí hậu do ERASMUS+ tài trợ. Các chương trình, dự án đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và năng lực lãnh đạo của ĐHH; tạo cơ hội để tiếp cận, trao đổi, phát triển các chương trình, phương pháp và thiết lập liên thông trong đào tạo, tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực khác giữa ĐHH với đối tác.

- Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục. Các chương trình giáo dục liên kết với các cơ sở quốc tế đã được kiểm định chất lượng giáo dục tại các nước sở tại. Triển khai 19 chương trình liên kết đào tạo quốc tế<sup>27</sup> ở các quốc gia tiên tiến như Pháp, Estonia, Ý, Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ, Ireland, Mỹ, Pháp, Áo... Thực hiện hợp tác đào tạo lưu học sinh Lào theo hiệp định giữa hai Chính phủ và hợp tác song phương giữa tỉnh Thừa Thiên Huế với các tỉnh Nam, Trung Lào. Các chương trình học bổng hiệp định dành cho sinh viên Lào được duy trì hàng năm<sup>28</sup>.

- ĐHH là thành viên chính thức của 18 mạng lưới đại học, tổ chức đào tạo và nghiên cứu quốc tế; tham gia hầu hết các mạng lưới viện nghiên cứu và trường đại học trong nước theo các ngành nghề. Thiết lập mối quan hệ với nhiều tổ chức tài trợ quốc tế như Ngân hàng thế giới, Ngân hàng châu Á, Ford Foundation, East meets West (Hoa Kỳ), Rockefeller Foundation, JICA, KOICA, Sida/SAREC, ICCO, Erasmus Mundus khu vực Đông Nam Á.

- Tổ chức các hội thảo, tập huấn về môi trường, kiến trúc, kinh tế, ngôn ngữ, y dược, du lịch, xã hội; các hội thảo chuyên đề, tập huấn trong khuôn khổ các chương trình, dự án hợp tác quốc tế.

- Tổ chức đón tiếp các đoàn khách quốc tế từ các nước: Nhật Bản, Thái Lan, Phần Lan, Thụy Điển, Pháp, Hoa Kỳ, Lào, Bỉ, Trung Quốc... đến giảng dạy, làm việc, ký kết hợp tác, trao đổi thông tin, thảo luận chương trình hợp tác, dự hội nghị/hội thảo, giới thiệu chương trình học bổng, thuyết trình và giao lưu với cán bộ và sinh viên ĐHH. Tổ chức và quản lý 186 lượt cán bộ, giảng viên đi tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập ngắn hạn và dài hạn tại các cơ sở giáo dục quốc tế uy tín và chất lượng ở các nước như Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Bỉ, Úc, Hoa Kỳ, Lào, Campuchia, Singapore.... Nguồn kinh phí chủ yếu do các tổ chức, các chương trình hợp tác hoặc các trường tiếp nhận tài trợ.

---

<sup>27</sup> Đào tạo bậc cử nhân ngành CNTT về An ninh mạng và Khoa học dữ liệu, liên kết với ĐH Phần Lan và ngành Quản trị kinh doanh liên kết với ĐH Thương mại UTCC (Thái Lan); chương trình liên kết đào tạo bậc cử nhân ngành Khoa học Máy tính với ĐH Winona State, Hoa Kỳ và chương trình Thạc sỹ kép đào tạo các ngành Vật lý, Hóa học theo hình thức 1+1 liên kết với trường ĐH Quốc gia Chiaotung, Đài Loan.

<sup>28</sup> Năm học 2019-2020 ĐHH đã trao 365 suất học bổng hiệp định cho SV Lào (329 cử nhân, 19 thạc sĩ, 10 tiến sĩ).

Đánh giá chung: Công tác nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh trên nhiều phương diện, trong đó có nhiều hoạt động tiên phong trên phạm vi cả nước. Công tác hợp tác quốc tế được tăng cường trên tất cả các lĩnh vực, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất, tiếp tục hội nhập với nền giáo dục của khu vực và thế giới.

#### **4.2. Tồn tại hạn chế**

- Các chỉ tiêu chưa hoàn thành: Nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chiếm 10 - 15% tổng các nguồn thu của ĐHH.

- Số lượng các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ được phê duyệt còn ít, nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và nguồn lực của ĐHH.

- Sản phẩm KHCN có khả năng chuyển giao và thương mại hóa còn ít, kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất chưa tương xứng với tiềm năng của ĐHH.

- Các thủ tục về tiếp nhận và thực hiện dự án hợp tác quốc tế còn nhiều cấp phê duyệt, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Các thủ tục về nhập cảnh và giấy phép lao động cho người nước ngoài chưa thông thoáng nên việc thu hút các chuyên gia đến làm việc, giảng dạy và nghiên cứu vẫn còn hạn chế.

- Một số biên bản ghi nhớ chưa được triển khai hoặc triển khai chưa hiệu quả. Các chương trình liên kết đào tạo chưa thu hút được nhiều sinh viên tham gia do quy định về ngoại ngữ và học phí cho các chương trình liên kết khá cao.

- Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến hoạt động hợp tác quốc tế và xáo trộn tiến trình hợp tác.

### **5. Công tác kế hoạch tài chính, xây dựng cơ sở vật chất**

#### **5.1. Kết quả đạt được**

##### *a) Kế hoạch – tài chính*

- Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý tài chính cho các đơn vị theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị về kế hoạch, tài chính; triển khai lộ trình tự chủ đối với một số trường ĐHTV; chuyển các viện nghiên cứu, trung tâm, đơn vị trực thuộc dần thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên.

- Tập trung nguồn lực tài chính cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; xây dựng cơ sở vật chất ĐHH, đảm bảo tốt nhất để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

- Phân bổ và thực hiện chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước và các nguồn thu tại ĐHH hàng năm được điều chỉnh hợp lý, kịp thời, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Tích cực tìm kiếm, huy động nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, nguồn thu sự nghiệp và hoạt động dịch vụ, dự án... để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động của ĐHH và các đơn vị.

- Hỗ trợ tài chính cho các nhiệm vụ có tính chiến lược như: kiểm định chất lượng, chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, đào tạo liên kết có yếu tố nước ngoài, hỗ trợ đơn vị có giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị, hợp tác quốc tế, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

- Tổ chức thực hiện Thông báo kết luận số 38/TB-VPCP ngày 24/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; bổ sung Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng Khu Đô thị ĐHH tại TP Huế với kinh phí 120 tỷ đồng và Dự án xây dựng ĐHH giai đoạn III với kinh phí 128 tỷ đồng vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020, bắt đầu giải ngân từ 2020 cho các công trình mới.

- Triển khai lộ trình tự chủ đối với các ĐVTT, tự bảo đảm chi thường xuyên. Phân bổ và thực hiện chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước và các nguồn thu tại ĐHH hàng năm được điều chỉnh hợp lý, kịp thời, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về kế hoạch - tài chính; phê duyệt quy chế chi tiêu nội bộ; ban hành các quy định, hướng dẫn, quản lý điều hành về công tác kế hoạch tài chính, đảm bảo thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước.

#### *b) Xây dựng cơ sở vật chất*

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Khu Đô thị tại TP Huế và các trường ĐHTV, đơn vị trên diện tích hiện có, đảm bảo phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng, chỉnh trang đô thị của tỉnh Thừa Thiên Huế và lộ trình xây dựng, phát triển ĐHH thành Đại học Quốc gia Huế theo Nghị quyết số 54/NQ-TW của Bộ Chính trị.

- Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư để Bộ GDĐT phê duyệt Dự án đền bù giải phóng mặt bằng (120 tỷ đồng), thời gian thực hiện 2020 - 2022; Dự án Nhà làm việc và thư viện các trường ĐHTV (128 tỷ đồng), thời gian thực hiện 2020 - 2023.

- Phối hợp với Bộ GDĐT thực hiện các dự án đầu tư tăng cường trang thiết bị nâng cao năng lực đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho 8 đơn vị; dự án duy tu bảo dưỡng và tăng cường trang thiết bị của Viện CNSH; dự án đầu tư Chương trình Vật lý của Trường ĐHKH (Chương trình 162) với kinh phí hơn 100 tỷ đồng.

- Phối hợp Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Huế đền bù và cưỡng chế các hộ dân xung quanh Trường ĐH Kinh tế; đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án hạ tầng Trường Du lịch (Khu Quy hoạch Trường ĐH Nghệ thuật tại Trường Bia). Tiếp tục thực hiện Dự án khu tái định cư 2,32 ha đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp vốn năm 2019 là 4 tỷ đồng. Tiến hành xin cấp đất và từng bước triển khai công tác quy hoạch và kiểm kê đền bù giải phóng mặt bằng của Viện Công nghệ Sinh học ở Hương Thọ, cơ bản đã hợp đồng quy hoạch lại mặt bằng phù hợp nguồn vốn đầu tư trên 20 ha.

Đánh giá chung: Thực hiện tốt công tác tài chính trong bối cảnh ĐHH và các trường ĐHTV, ĐVT và ĐTT gặp nhiều khó khăn. Phát huy tối đa tiềm lực tài chính vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và phục vụ công tác chuyên môn, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển

ĐHH. Công tác xây dựng cơ bản triển khai đúng tiến độ; cơ sở vật chất từng bước đáp ứng được nhu cầu công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

## **5.2. Tôn tại hạn chế**

- Các chỉ tiêu chưa đạt được: Chưa thực hiện lộ trình tự chủ đại học đối Trường ĐHYD, Trường ĐHL, Trường ĐHKT.

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện dự toán kế hoạch tài chính hàng năm của một số đơn vị chưa được chú trọng, ảnh hưởng đến kế hoạch chung của ĐHH. Tiến độ lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán các công trình xây dựng cơ bản còn chậm, hồ sơ chưa đầy đủ.

- Một số đơn vị nộp điều hành học phí sự nghiệp không kịp thời làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của ĐHH.

- Công tác giải phóng mặt bằng bất cập trong nhiều khâu về chính sách, nguồn lực của ĐHH và địa phương dẫn đến kéo dài và tình trạng lấn chiếm không giải quyết được. Chưa điều phối cơ sở vật chất và thiết bị trong toàn ĐHH để phát huy hiệu quả sử dụng.

- Việc triển khai thực hiện dự án nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh tại Trường ĐHYD và Bệnh viện Trường ĐHYD chậm tiến độ so với kế hoạch do quá trình thực hiện dự án còn phụ thuộc nhiều từ phía nhà tài trợ.

## **6. Công tác Đảng – Đoàn thể**

### **6.1. Kết quả đạt được**

- Chuẩn bị và tổ chức thành công đại hội Đảng bộ các cấp trong toàn ĐHH. Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

- Xây dựng, bổ sung quy hoạch cấp ủy, bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý và cán bộ chuyên môn được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Đào tạo bồi dưỡng, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ, nhất là đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, nhận thức lý luận chính trị và kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ lãnh đạo quản lý.

- Thực hiện nghiêm túc và đạt kết quả công tác đánh giá phân loại chất lượng, biểu dương khen thưởng tổ chức Đảng, đảng viên và cán bộ lãnh đạo quản lý hàng năm. Việc bồi dưỡng đối tượng, xem xét kết nạp đảng viên, bồi dưỡng đảng viên mới, xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị được chú trọng và thực hiện đúng qui định.

- Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nhất là đổi mới phong cách công tác, sâu sát, tôn trọng, lắng nghe và đối thoại với cán bộ đảng viên, viên chức lao động và sinh viên. Các cấp ủy đảng tiếp tục nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, đảng viên; tổ chức sơ kết, tổng kết Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị và các mặt công tác xây dựng Đảng; kịp thời khen thưởng tổ chức, cá nhân điển hình. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc và các quy định của Đảng.

- Quán triệt, triển khai thực hiện các hướng dẫn, quy định về công tác kiểm tra giám sát; việc xây dựng, báo cáo, triển khai thực hiện chương trình công tác kiểm tra giám sát cơ bản đúng thời gian.

- Quan tâm lãnh đạo chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, kiện toàn cán bộ, tổ chức tốt các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Công đoàn tham gia quản lý chuyên môn, chăm lo đời sống, bảo vệ lợi ích chính đáng của viên chức lao động, xây nhà công vụ cho các nhà giáo ở các vùng khó khăn. Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên thực hiện tốt các phong trào tình nguyện hè, tiếp sức mùa thi, hiến máu tình nguyện, phòng chống các tệ nạn xã hội... Hội Cựu Chiến binh tổ chức khám chữa bệnh, xây dựng mô hình sản xuất, tổ chức các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn”.

Đánh giá chung: Tiếp tục phát huy tốt vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền, sự phối hợp hoạt động của các tổ chức đoàn thể và sự năng động sáng tạo của các đơn vị; kiên quyết với mục tiêu và định hướng xây dựng, phát triển ĐHH; phát huy tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ đảng viên, viên chức lao động. Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết của các cấp ủy Đảng vào điều kiện cụ thể của ĐHH.

## **6.2. Tồn tại, hạn chế**

- Một số đơn vị chưa chú trọng công tác phát triển đảng.
- Cán bộ chủ chốt của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên ĐHH thay đổi liên tục và còn thiếu nhiệt huyết, đam mê trong công việc nên hiệu quả các hoạt động mang tính tiên phong của Đoàn, Hội chưa thật sự nổi bật.

## **7. Công tác quản lý điều hành**

### **7.1. Kết quả đạt được**

- Tổ chức làm việc giữa lãnh đạo ĐHH với Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về xây dựng và phát triển ĐHH theo Thông báo số 38/TB-VPCP ngày 24/01/2018 của Văn phòng Chính phủ; làm việc với đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Thừa Thiên Huế về tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 25/5/2009 của Bộ Chính trị, việc xây dựng ĐHH thành ĐHQG Huế<sup>29</sup>.

- Tổ chức 02 buổi làm việc của Bộ trưởng Bộ GDĐT với Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Lãnh đạo ĐHH về việc xây dựng ĐHH trở thành Đại học Quốc gia theo Nghị quyết số 54/NQ-TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ<sup>30</sup>.

- Tổ chức hội nghị giữa ĐHH, Đại học Đà Nẵng và Đại học Thái Nguyên triển khai góp ý nghị định, thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018. Tổ chức tốt các kỳ họp Hội đồng ĐHH; ban hành, triển

29. Thông báo số 242/TB-UBND ngày 23/6/2020 về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phan Ngọc Thọ tại buổi làm việc với ĐHH.

30. Thông báo số 619/TB-BGDĐT ngày 3/8/2020 về Thông báo kết luận của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ tại buổi làm việc với ĐHH và Thông báo số 1026/TB-BGDĐT ngày 8/10/2020 của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ tại buổi làm việc với tỉnh Thừa Thiên Huế và Đại học Huế.

khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng ĐHH. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quản lý liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của ĐHH.

- Tổ chức các buổi làm việc của lãnh đạo ĐHH với các trường ĐHTV, ĐVTT và các tổ chức đoàn thể, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quản lý, điều hành.

- Đảm bảo kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành thông qua việc xây dựng, ban hành, tiếp nhận và xử lý kịp thời các văn bản chỉ đạo, quy phạm, hành chính trong ĐHH. Tăng cường công tác quản lý theo quy định chức năng, nhiệm vụ của ĐHH và các trường ĐHTV, ĐVT và ĐVTT.

- Tiếp tục thực hiện giao ước thi đua giữa ĐHH với Hiệu trưởng các ĐVTV, Thủ trưởng các ĐVTT trên các tiêu chí và định lượng, cam kết đẩy mạnh các hoạt động khoa học công nghệ, thúc đẩy hợp đồng chuyên giao khoa học công nghệ và bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, công trình khoa học được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

- Tích cực triển khai đề án xây dựng “Đại học thông minh”, quản trị đại học tiên tiến, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành của ĐHH, điện tử và số hóa 100% văn bản trên hệ thống điều hành quản lý.

- Tổ chức các đợt thanh tra các kỳ thi tuyển sinh, thi học kỳ, thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, thanh tra tuyển sinh và đào tạo tại các ĐVTV, ĐVT và ĐVTT. Tổ chức tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật. Tất cả các đơn thư đều được xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại 2011, Luật Tố cáo 2011, Luật Tiếp công dân 2013 và các quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết dứt điểm, đúng quy trình, quy định của pháp luật.

- Phát huy vai trò công tác pháp chế, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho công chức, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ĐHH.

Đánh giá chung: Công tác quản lý điều hành có nhiều đổi mới, nhiều kết quả mang tính đột phá, góp phần nâng vị thế của ĐHH, các trường ĐHTV, ĐVT và ĐVTT. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường, từng bước chấn chỉnh việc thực hiện theo đúng các văn bản quy phạm pháp luật.

## ***7.2. Tồn tại hạn chế***

Việc rà soát, ban hành các văn bản quản lý, điều hành phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật còn chậm.

# **II. NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

## **1. Nguyên nhân**

### ***1.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được***

- Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Bộ GDĐT, các bộ, ban, ngành trung ương, địa phương.

- Phát huy tốt vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền, sự phối hợp hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động sáng tạo và sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của các ĐHTV, ĐVTT và đơn vị thuộc ĐHH trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học.

### ***1.2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm***

- Hệ thống văn bản quy định của nhà nước chưa nhất quán, nhất là các nghị định, thông tư hướng dẫn về tự chủ khiến các đơn vị gặp khó khăn trong quá trình triển khai tự chủ đại học.

- Đầu tư của Nhà nước chưa tương xứng và rất hạn chế; tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn, chủ yếu dựa vào nguồn thu học phí trong khi tuyển sinh không đạt chỉ tiêu dẫn đến nguồn thu hạn chế.

- Đội ngũ viên chức, lao động chưa thật sự năng động, sáng tạo; chưa phát huy tối đa năng lực trong thực thi nhiệm vụ. Tổ chức bộ máy ở các ĐHTV, ĐVTT chưa thật sự tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

- Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến các hoạt động của ĐHH, nhất là tiến độ thực hiện đề tài khoa học công nghệ, chương trình hợp tác quốc tế, tiến độ thi công và giải ngân các dự án xây dựng; giảm nguồn thu học phí, lệ phí ở các ĐHTV, ĐVTT.

## **2. Bài học kinh nghiệm**

- Phát huy sự năng động sáng tạo trong lãnh đạo, sự chỉ đạo, kiên định bản lĩnh chính trị và quyết liệt của người đứng đầu trong điều hành và tổ chức thực hiện. Luôn thống nhất chung về chủ trương và hành động từ ĐHH đến các ĐHTV, ĐVTT.

- Thường xuyên bám sát và tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, Lãnh đạo Bộ GDĐT; sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành trung ương và các địa phương. Quán triệt nghiêm túc, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giữ vững kỷ cương, nề nếp trong các hoạt động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong xây dựng và thực hiện nhiệm vụ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, viên chức lao động, tạo điều kiện để họ yên tâm công tác, gắn bó, tập trung công sức, trí tuệ xây dựng và phát triển ĐHH.

## PHẦN THỨ HAI

### PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2020 - 2011, 2021 - 2022

#### I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

##### 1. Thuận lợi

- Năm học 2020 – 2021 và năm học 2021 – 2022 là giai đoạn cả nước triển khai thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần XIII, ngành giáo dục tiếp tục nhận được sự quan tâm của Trung ương Đảng, Quốc hội, sự chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Chính phủ, nhiều chủ trương, biện pháp tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự nghiệp giáo dục đào tạo.

- Ngành giáo dục đào tạo tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; phân tầng, xếp hạng đại học, đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý giáo dục, tăng cường công tác bảo đảm chất lượng; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo theo Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư.

- Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW tạo điều kiện để ĐHH và các đơn vị tập trung xây dựng ĐHH thành Đại học Quốc gia.

##### 2. Khó khăn

- Toàn cầu hoá tiếp tục đặt ra thách thức lớn cho công tác đào tạo, bảo đảm chất lượng giáo dục và sự dịch chuyển lao động khu vực và thế giới.

- Đầu tư công và chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước giảm mạnh. Hệ thống văn bản quy định của nhà nước chưa nhất quán, nhất là các nghị định, thông tư hướng dẫn về tự chủ khiến các đơn vị gặp khó khăn trong quá trình triển khai tự chủ đại học.

- Đại dịch COVID-19 tiếp tục tác động tiêu cực đến mọi lĩnh vực hoạt động của đất nước, địa phương, ngành giáo dục và trong toàn ĐHH.

#### II. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

*Tập trung nguồn lực phát triển ĐHH trở thành Đại học Quốc gia theo định hướng đại học nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực; nâng cao hiệu quả quản trị hệ thống, phát huy tối đa các nguồn lực dùng chung; tăng cường truyền thông, thu hút người học; đẩy mạnh kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và xếp hạng đại học; phát huy tiềm lực, thế mạnh trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trung tâm y tế chuyên sâu để tạo động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền Trung, Tây nguyên và cả nước.*

#### III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

##### 1. Công tác chính trị tư tưởng

- Đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng trong toàn thể viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.



- Tổ chức học tập quán triệt, triển khai thực hiện văn kiện đại hội đảng các cấp và các chủ trương, chính sách của Nhà nước; Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 83/NQ-CP của Chính phủ.

- Đổi mới phương pháp tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn thể viên chức, người lao động nhằm tạo sự thống nhất và hành động trong thực hiện chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

## **2. Công tác tổ chức cán bộ**

- Triển khai lộ trình xây dựng phát triển ĐHH thành đại học quốc gia theo Nghị quyết số 54/NQ-TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 83/NQ-CP của Chính phủ. rà soát, bổ sung hoàn thiện Đề án phát triển ĐHH thành Đại học Quốc gia trên cơ sở nghiên cứu xây dựng mô hình hợp lý, sắp xếp và tiếp tục tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức, nguồn lực, ngành nghề theo hướng nghiên cứu và ứng dụng.

- Xây dựng đề án trình Bộ GDĐT sắp xếp lại Trường Cao đẳng Y tế Thừa Thiên Huế vào Trường ĐHYD. Phát triển Trường ĐHYD theo mô hình “Trường - Viện” cấp quốc gia và hướng tới đạt chuẩn quốc tế; Bệnh viện Trường ĐHYD đạt chuẩn bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế; trình Bộ GDĐT Đề án phát triển Trường ĐHSP thành Trường ĐHSP trọng điểm quốc gia.

- Thành lập Tổng công ty cổ phần ĐHH, Trung tâm Phân tích thí nghiệm trực thuộc ĐHH. Phát triển Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị xứng tầm cơ sở 2 của ĐHH, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực cho tỉnh Quảng Trị và các tỉnh lân cận trên cơ sở nguồn lực chung của ĐHH.

- Thành lập Hội đồng ĐHH nhiệm kỳ 2020 – 2025 trên cơ sở hội đồng trường các trường ĐHTV.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động có trình độ khoa học cao; chú trọng bồi dưỡng đội ngũ kế cận ở một số ngành trọng điểm và có nguy cơ thiếu hụt đội ngũ thay thế.

- Thông qua các nhóm nghiên cứu mạnh, kết hợp đào tạo nghiên cứu sinh ở nước ngoài để có các xuất bản quốc tế có uy tín, hướng đến đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; phấn đấu hàng năm có từ 18-20 viên chức đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quy hoạch cán bộ chuyên môn.

- Ưu tiên tuyển dụng cán bộ có trình độ tiến sĩ, chức danh giáo sư, phó giáo sư về các bộ môn; từng bước chuẩn hóa đội ngũ, nâng cấp các ngạch chuyên viên, kỹ thuật viên gắn với nhiệm vụ được giao. Giải quyết hiệu quả, kịp thời các chế độ chính sách liên quan đến viên chức và người lao động.

- Xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giai đoạn 2020 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức theo chỉ tiêu phấn đấu của Đại hội Đảng bộ ĐHH lần thứ VI.

- Chỉ tiêu phấn đấu: Quy mô 4.100 viên chức và lao động, 50% viên chức có trình độ tiến sĩ, 400 viên chức đạt chức danh giáo sư và phó giáo sư; thu hút khoảng 35-40 giáo sư nước ngoài và giáo sư danh dự thỉnh giảng.

### **3. Công tác đào tạo, khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục, công tác sinh viên**

#### **3.1. Công tác đào tạo**

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu các ngành đào tạo; dừng đào tạo các ngành không đảm bảo đội ngũ cán bộ cơ hữu, ngành đào tạo quá sâu, phân tán người học, khó khăn trong lựa chọn ngành học. Tập trung nguồn lực dùng chung để mở các ngành mới, mang tính thí điểm, đón đầu nhu cầu xã hội, các ngành mang tính liên ngành và xuyên ngành. Đẩy mạnh việc liên thông giữa các ngành trong cùng đơn vị và giữa các đơn vị trong ĐHH.

- Chú trọng phát triển các ngành khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, các ngành nghệ thuật, nông - lâm - ngư, phát huy tốt các ngành đặc thù CNTT và du lịch. Mở rộng liên kết đào tạo quốc tế, từng bước tham gia vào chuỗi giáo dục quốc tế và tuyển sinh toàn cầu, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút sinh viên, giảng viên, chuyên gia quốc tế đến học tập và làm việc tại ĐHH.

- Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, từng bước chuẩn hóa chương trình đào tạo theo Khung trình độ quốc gia. Triển khai phương thức đào tạo trực tuyến thành một phần bắt buộc đối với hoạt động đào tạo tại ĐHH; nâng tỉ lệ đào tạo trực tuyến đạt ít nhất 50% đối với nhóm ngành đào tạo tỉ lệ giảng dạy lý thuyết cao.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người học, cập nhật các chương trình tiên tiến, phân phối chương trình theo modules; đưa học phần khởi nghiệp vào chương trình đào tạo; đa dạng hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đối với người đã tốt nghiệp đại học trở lên theo nhu cầu thị trường lao động.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; phát hiện ngăn ngừa kịp thời, xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, vi phạm quy chế, quy định trong đào tạo, cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

- Chỉ tiêu phân đầu: Đến năm 2022 ĐHH có từ 140-145 ngành đào tạo đại học, 90-95 ngành đào tạo thạc sĩ, 55-60 ngành đào tạo tiến sĩ; 15-20 ngành đào tạo trọng điểm, tiên tiến và đào tạo liên kết quốc tế, 7-10 chương trình đào tạo đồng cấp bằng; 20% chương trình đào tạo đại học và sau đại học song ngữ Việt – Anh.

#### **3.2. Khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục**

- Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục thống nhất trong toàn ĐHH; ban hành quy định về đánh giá nội bộ cơ sở giáo dục và đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định hiện hành.

- Triển khai kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo để tham gia kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cấp quốc gia, quốc tế. Tập trung đầu tư các ngành mũi nhọn, trọng điểm và tăng cường đầu tư một số ngành để kiểm định quốc tế nhằm thu hút sinh viên quốc tế.

- Chỉ tiêu phân đầu: Đến năm 2022 có 30% chương trình đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến (blended learning); 50% chương trình đào tạo được tự đánh giá,

30-35% chương trình đào tạo đại học được kiểm định chất lượng cấp quốc gia, 3-5 chương trình kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế; 30% chương trình đào tạo thạc sĩ được kiểm định quốc gia và quốc tế.

### **3.3. Công tác sinh viên, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**

- Nắm bắt kịp thời tình hình, có biện pháp quản lý sinh viên hiệu quả. Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị cho học sinh sinh viên, quan tâm đến việc giáo dục đạo đức lối sống, ý thức trách nhiệm, thái độ học tập rèn luyện của sinh viên; tổ chức các phong trào, các hoạt động phòng chống tiêu cực, tệ nạn xã hội trong sinh viên.

- Định hướng, hỗ trợ phương pháp học tập, phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Tăng cường hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp trong đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu xã hội và thị trường lao động.

- Các đơn vị thực hiện tốt các chế độ, chính sách và các hoạt động hỗ trợ, phục vụ sinh viên; hỗ trợ sinh viên tham gia hội chợ việc làm; tham gia các câu lạc bộ đội, nhóm theo sở trường, sở thích. Thực hiện xã hội hóa, đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản lý tại ký túc xá sinh viên.

- Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội, tội phạm xâm nhập học đường; quản lý hiệu quả sinh viên ngoại trú. Hoàn thiện cơ chế phối hợp, phân định rõ trách nhiệm của cơ sở đào tạo, chính quyền, các tổ chức đoàn thể địa phương và gia đình trong quản lý, giáo dục sinh viên. Tăng cường hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội, thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ trong sinh viên.

- Bộ phận hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp của các trường, đơn vị phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo ĐHH tạo thành khối thống nhất; cán bộ, giảng viên tham gia công tác hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức, cung cấp thông tin kinh nghiệm về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; sinh viên có ý tưởng, dự án khởi nghiệp được xét chọn, ươm tạo và hỗ trợ kết nối với các vườn ươm khởi nghiệp.

- Xây dựng hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ĐHH với các nội dung: phát triển, nâng cao năng lực, tăng cường kết nối doanh nhân, doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp với ĐHH; hình thành mạng lưới các nhà cố vấn, nhà đầu tư.

- Chỉ tiêu phấn đấu: Đến năm 2022 có 10-15 dự án và ý tưởng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo gọi vốn thành công, trong đó 3-5 dự án khởi nghiệp được hỗ trợ kết nối đầu tư với số vốn từ 3-5 triệu USD.

## **4. Công tác khoa học công nghệ, quan hệ quốc tế**

### **4.1. Khoa học công nghệ**

- Hoàn thiện cơ chế quản lý KHCN, thực hiện khoán chi đến sản phẩm KHCN cuối cùng. Xây dựng các chương trình KHCN có tầm cỡ, thu hút sự tham gia của các chuyên gia, các trường đại học trong cả nước, giải quyết được những vấn đề lớn của đất nước.

- Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh liên ngành, xuyên ngành để tạo ra các công nghệ nguồn, các công nghệ mới. Xây dựng và phát triển các doanh nghiệp KH-CN. Tiếp tục đẩy mạnh công bố khoa học quốc tế, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm và đăng ký sở hữu trí tuệ.

- Tập trung nguồn lực thực hiện các chương trình thiết thực, bền vững của các địa phương, nhất là tỉnh Thừa Thiên Huế, các vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Xây dựng các vùng kinh tế theo các địa phương cấp huyện và thị xã, mỗi huyện và trường đại học có mô hình liên kết phát triển kinh tế xã hội.

- Chỉ tiêu phấn đấu: Số lượng các đề tài, chương trình, nhiệm vụ KH-CN cấp Quốc gia hàng năm tăng 10%; ước tính 250 tỷ đồng năm 2022 đạt ít nhất 15% tổng thu của ĐHH. Đến năm 2022, số lượng các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín tăng 20%/năm (Web of Science và Scopus), đạt mức 600 bài; công bố khoa học bình quân đạt 0,2 bài/giảng viên cơ hữu. Có 5-10 sản phẩm KH-CN được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, 5-8 công nghệ/sản phẩm được chuyển giao có nguồn thu. Có ít nhất 2 nhóm nghiên cứu mạnh cấp quốc gia và 40 nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHH. Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khoa học công nghệ ĐHH (HU-Holdings).

#### **4.2. Quan hệ quốc tế**

- Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế dựa trên chiến lược phát triển ĐHH theo định hướng đại học nghiên cứu và ĐHH thành Đại học Quốc gia, tập trung quốc tế hóa vào các lĩnh vực: quản trị đại học và bảo đảm chất lượng giáo dục; đào tạo; nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường cơ sở hạ tầng, trang thiết bị.

- Tăng cường quản lý hợp tác quốc tế; tạo cơ chế để thu hút giảng viên, chuyên gia nước ngoài làm việc tại ĐHH. Tập trung hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, hình thành và tham gia mạng lưới hợp tác với nước ngoài để nâng cao uy tín của ĐHH.

- Đẩy mạnh hợp tác chiến lược với các đối tác truyền thống, tích cực hợp tác với các nước ASEAN. Mở rộng, đa dạng hóa quan hệ với các đại học Châu Âu và các tổ chức quốc tế về nâng cao năng lực quản trị đại học và đảm bảo chất lượng giáo dục, các chương trình hợp tác đa ngành, liên ngành, đa lĩnh vực.

- Chỉ tiêu phấn đấu: Đến năm 2022, có từ 7-10 chương trình, dự án hợp tác quốc tế với kinh phí hoạt động từ 40-50 tỷ đồng; 20 chương trình đào tạo, chương trình liên kết đào tạo quốc tế, thu hút 150-200 sinh viên nước ngoài đến học; có ít nhất 2% giảng viên, chuyên gia nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu, làm việc tại ĐHH hàng năm.

### **5. Công tác kế hoạch tài chính, xây dựng cơ sở vật chất**

#### **5.1. Kế hoạch – tài chính**

- Xây dựng phương án và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tự bảo đảm chi thường xuyên cho Trường ĐHK-T, Trường ĐHYD, Trường ĐHL và các viện, trung tâm trực thuộc ĐHH; các đơn vị còn lại thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

- Đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thanh quyết toán các nguồn kinh phí; giải quyết dứt điểm nợ điều hành học phí sự nghiệp, KHCN, đối ứng XDCCB. Tăng cường kiểm tra, giám sát trách nhiệm thực hiện kế hoạch, chấp hành chế độ chính sách và quyết toán tài chính trong tất cả các đơn vị.

- Cân đối nguồn vốn đối ứng kinh phí các dự án đầu tư XDCCB (giai đoạn II và III). Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt quyết toán các công trình xây dựng, giải quyết dứt điểm các hồ sơ dự án còn tồn đọng. Tập trung phê duyệt quyết toán và các công trình thuộc thẩm quyền của ĐHH.

- Xây dựng Quỹ phát triển khoa học công nghệ ĐHH theo Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT và các văn bản liên quan. Rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng khuyến khích tài năng đối với các thành tích KHCN nhằm động viên mạnh mẽ hơn các tập thể và cá nhân nhà khoa học có thành tích công bố khoa học và chuyển giao, thương mại hóa sản phẩm.

- Chỉ tiêu phấn đấu: Thực hiện cơ chế tài chính ĐHH thí điểm theo Quy chế hoạt động của Đại học Quốc gia và cơ chế thí điểm của Thủ tướng Chính phủ. Có ít nhất 2-3 trường ĐHTV thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tự đảm bảo chi thường xuyên; các đơn vị còn lại thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; nguồn thu ĐHH tăng 10% hàng năm.

## **5.2. Xây dựng cơ sở vật chất**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng khu đô thị ĐHH tại Trường Bia 120 tỷ đồng; Dự án ĐHH giai đoạn III 128 tỷ đồng; thực hiện các bước tiếp theo Dự án Viện Công nghệ sinh học.

- Làm việc với Bộ GDĐT về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, Dự án vay ADB để đầu tư xây dựng phát triển ĐHH và các đơn vị. Thực hiện dự án ODA nguồn vốn vay từ Ý; đẩy mạnh công tác thanh quyết toán và hoàn thành dứt điểm dự án Giai đoạn II đầu tư xây dựng trong năm 2020.

- Phát triển đô thị ĐHH theo hướng phức hợp, có quy hoạch đồng bộ các thiết chế xã hội, dân cư, dịch vụ, siêu thị, văn hóa xã hội, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo theo hướng đô thị thông minh.

- Thực hiện các dự án chống xuống cấp của ĐHH và các đơn vị năm 2020 và dự án Đại học thông minh của ĐHH.

- Tiếp tục thực hiện Dự án khu tái định cư 2,32 ha hiện đang trình UBND tỉnh Thừa Thiên Huế điều chỉnh dự án. Từng bước đền bù để cấp đất và triển khai công tác quy hoạch chi tiết 1/500 của Viện CNSH ở Hương Thọ.

- Chỉ tiêu phấn đấu: Đến năm 2022 di dời toàn bộ dân cư, năm 2025 di dời lăng mộ và vật kiến trúc ra khỏi Khu Đô thị ĐHH tại TP Huế, kinh phí 120 tỷ đồng. Hoàn thành cơ bản cơ sở hạ tầng Bệnh viện Trường ĐHYD Huế tại địa điểm hiện tại với hệ thống thực hành nghề nghiệp, khám chữa bệnh đa khoa có thương hiệu quốc gia. Xây dựng cơ sở hạ tầng Viện CNSH Quốc gia tại Hương Trà giai đoạn 2020 - 2025.

## **6. Công tác Đảng – Đoàn thể**

- Xây dựng tổ chức đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên tất cả các mặt công tác. Đổi mới hình thức, nội dung, chất lượng sinh hoạt và lãnh đạo của cấp ủy; đảm bảo nguyên tắc, nâng cao năng lực xây dựng, tổ chức thực hiện công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ ĐHH lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XVI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

- Tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy khối đoàn kết, nhất trí trong Đảng và các tổ chức đoàn thể; tạo sự đồng thuận của đảng viên, viên chức, người lao động và sinh viên.

- Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện đối với các tổ chức đoàn thể. Đổi mới phương thức xây dựng tổ chức, tập hợp đoàn viên, hội viên, nội dung hình thức các phong trào, các hoạt động và sự phối hợp với các đơn vị có liên quan. Nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị để ngang tầm với vị trí, chức năng của các tổ chức đoàn thể ĐHH.

- Chỉ tiêu phấn đấu: Phát triển đảng bộ Trường Du lịch và Viện Công nghệ sinh học; xây dựng Đảng bộ Trường – Viện Đại học Y Dược điển hình, vững mạnh toàn diện. Cấu trúc Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên ĐHH thành một hệ thống thống nhất; áp dụng mô hình Đoàn – Hội của các Đại học quốc gia. Xây dựng các tổ chức đoàn thể vững mạnh, trong đó: Công đoàn ĐHH vững mạnh toàn diện, Hội Cựu Chiến binh ĐHH vững mạnh toàn diện xuất sắc, phát triển Ban Nữ công Công đoàn thành Hội Phụ nữ ĐHH.

## **7. Công tác quản lý điều hành**

- Chủ động và phối hợp với Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, Ban Cán sự Đảng Bộ GDĐT thực hiện lộ trình phát triển ĐHH thành Đại học Quốc gia giai đoạn 2020 – 2022 theo Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 83-NQ/CP của Chính phủ.

- Rà soát, ban hành các văn bản quản lý điều hành ĐHH phù hợp với Luật Giáo dục đại học 2018, Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019, Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 15/4/2020 và Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31/7/2020 của Hội đồng ĐHH.

- Đảm bảo kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành thông qua việc xây dựng, ban hành, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác; các văn bản chỉ đạo, quy phạm, hành chính về quản lý, điều hành trong ĐHH. Xây dựng chiến lược phát triển ĐHH đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Tiếp tục ký kết và thực hiện giao ước thi đua giữa ĐHH với Hiệu trưởng các ĐVTV, Thủ trưởng các ĐVTT về chỉ tiêu công bố khoa học, chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu.

- Chỉ đạo các trường ĐHTV, ĐVTT tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết dứt điểm, đúng quy trình, quy định của pháp luật.

- Phát triển hệ thống thông tin quản lý thống nhất theo mô hình quản lý điện tử trong toàn ĐHH; xây dựng hệ thống phần mềm ứng dụng CNTT thống nhất, đảm bảo hỗ trợ hiệu quả hoạt động của ĐHH và các trường ĐHTV, ĐVTT.

- Hoàn thiện đưa vào sử dụng dự án Đại học thông minh; tiếp tục phát triển hệ thống thông tin hiện đại, đồng bộ nhằm khai thác và sử dụng các dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý điều hành.

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông trong và ngoài ĐHH; phát triển Cổng thông tin điện tử ĐHH. Tập trung xây dựng, cập nhật dữ liệu và thực hiện đồng bộ các giải pháp để tiếp tục tăng thứ hạng của ĐHH trên các tổ chức xếp hạng quốc tế. Tiếp tục triển khai xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cho cán bộ và sinh viên ĐHH.

- Chủ động và phối hợp với tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực và đề án phát triển đội ngũ giảng viên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045.

- Tiếp tục bám sát và tranh thủ sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, Lãnh đạo Bộ GDĐT; sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành trung ương và các địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 65 năm xây dựng và phát triển ĐHH và các trường ĐHTV (1957 – 2022).

- Chỉ tiêu phấn đấu: Đến năm 2022, hoàn thiện hệ thống văn bản và mô hình quản lý ĐHH theo mô hình Đại học Quốc gia, ứng dụng 100% CNTT trong quản lý điều hành; hoàn thành chuyển đổi số và mô hình đại học thông minh tại ĐHH.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022. Căn cứ phương hướng nhiệm vụ cụ thể, các ĐHTV, ĐVT và ĐVTT xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022 của đơn vị. Giám đốc ĐHH và Ban Thường vụ Công đoàn ĐHH kêu gọi toàn thể viên chức, người lao động nỗ lực phấn đấu, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ đã đề ra, góp phần sớm đưa ĐHH trở thành Đại học Quốc gia theo Nghị quyết số 54/NQ-TW và Nghị quyết số 83/NQ-CP của Chính phủ./.

# PHỤ LỤC



## PHỤ LỤC 1

### Số lượng, trình độ, chức danh đội ngũ viên chức, lao động

TT	Trình độ, chức danh	Số lượng	
		Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
<b>I</b>	<b>Cán bộ viên chức, lao động</b>	<b>3944</b>	<b>4088</b>
1	Giảng viên	2300	2635
2	Viên chức quản lý, nghiên cứu và phục vụ giảng dạy	1644	1453
<b>II</b>	<b>Trình độ</b>		
1	Tiến sĩ	628	782
2	Thạc sĩ	1828	1950
3	Đại học và trình độ khác	1087	989
<b>III</b>	<b>Chức danh</b>		
1	Giáo sư, Phó giáo sư	242	275
2	Giảng viên cao cấp	242	275
3	Giảng viên chính	214	341
4	Chuyên viên chính và tương đương	13	31
5	Giảng viên	1592	1487
6	Chuyên viên và tương đương	1149	1135
<b>IV</b>	<b>Danh hiệu được phong</b>		
1	Nhà giáo Nhân dân	3	2
2	Nhà giáo Ưu tú	43	42
3	Thầy thuốc Nhân dân	1	2
4	Thầy thuốc ưu tú	32	46

*Nguồn: Ban Tổ chức cán bộ Đại học Huế*

**PHỤ LỤC 2**  
**Kết quả công tác tuyển sinh đại học, sau đại học**

STT	Tên đơn vị	Năm học 2018-2019			Năm học 2019-2020		
		Đại học	Sau đại học		Đại học	Sau đại học	
			Thạc sĩ	Tiến sĩ		Thạc sĩ	Tiến sĩ
1.	Trường Đại học Y Dược	1347	262	2	1383	273	6
2.	Trường Đại học Sư phạm	564	427	4	1100	511	8
3.	Trường Đại học Nông Lâm	819	195	4	737	94	3
4.	Trường Đại học Kinh tế	1800	303		2020	249	
5.	Trường Đại học Ngoại ngữ	1.460	27		1853	26	2
6.	Trường Đại học Khoa học	634	439	6	750	418	7
7.	Trường Đại học Luật	840	297	2	919	368	1
8.	Trường Đại học Nghệ thuật	47			32		
9.	Phân hiệu Quảng Trị	16			28		
10.	Khoa Du lịch	1131			963		1
11.	Khoa Giáo dục Thể chất	15			44		
12.	Khoa Quốc tế				14	38	2
13.	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ				67		
14.	Viện Công nghệ sinh học			2			2
<b>Tổng cộng</b>							

*Nguồn: Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế*

### PHỤ LỤC 3

#### Quy mô sinh viên, học viên và sinh viên, học viên đã tốt nghiệp

TT	Loại hình đào tạo	Số lượng sinh viên, học viên				Số lượng sinh viên, học viên tốt nghiệp			
		2017	2018	2019	2020	2017	2018	2019	2020
<b>I</b>	<b>Đào tại đại học</b>	<b>53628</b>	<b>48045</b>	<b>47238</b>	<b>46373</b>	<b>15144</b>	<b>13342</b>	<b>11787</b>	<b>6339</b>
1.	Hệ chính quy	45121	40791	39152	37585	10235	9233	9955	6339
	Chính quy tập trung	42639	37720	36515	35169	9344	8675	9250	6339
	Liên thông chính quy	1681	1419	1378	1365	703	490	433	347
	Bằng 2 chính quy	801	1412	1085	1051	188	68	272	449
2.	Hệ cử tuyển	388	240	174	171	<i>Cấp bằng chính quy nên không xét riêng</i>			
3.	Hệ từ xa	4013	1363	2319	1700	3463	1279	455	390
4.	Hệ vừa học vừa làm	4106	5651	5593	7791	1446	2830	1377	2833
<b>II</b>	<b>Đào tạo Cao đẳng</b>	<b>325</b>	<b>385</b>	<b>44</b>	<b>26</b>	<b>217</b>	<b>187</b>	<b>0</b>	<b>18</b>

Nguồn: Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế

### PHỤ LỤC 4

#### Thống kê các ngành đào tạo tuyển sinh kém trong 3 năm qua

Mã ngành	Trường/ tên ngành	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Chỉ tiêu	Thực hiện chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thực hiện chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thực hiện chỉ tiêu
	<b>KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT</b>						
7140206	Giáo dục Thể chất	30	20	45	20	45	15
	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ</b>						
7140233	Sư phạm Tiếng Pháp	24	23	20	6	20	6

	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ</b>	370	94	420	93	380	47
7310107	Thống kê kinh tế			50	6	50	13
7620114	Kinh doanh nông nghiệp	50	9	50		40	
7620115	Kinh tế nông nghiệp	150	38	70	4	40	
7349001	Tài chính - Ngân hàng (Liên kết đào tạo đồng cấp bằng với Trường đại học Rennes I, Cộng hoà Pháp)	50	6	40	8	40	
7903124	Song ngành Kinh tế - Tài chính (đào tạo theo chương trình tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh theo chương trình của Trường đại học Sydney, Australia)	60	17	40	23	40	18
7349002	Quản trị kinh doanh (Liên kết đào tạo với Viện Công nghệ Tallaght - Ireland)	60	24	50	18	50	16
7310101CL	Kinh tế (chất lượng cao)			30	21	30	
7340302CL	Kiểm toán (chất lượng cao)			30	13	30	
7340405CL	Hệ thống thông tin quản lý (CN Tin học kinh tế)			30		30	
7340201CL	Tài chính - Ngân hàng (chất lượng cao)			30		30	
	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM</b>						
7580211	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	50	11	66	16	80	8
7540104	Công nghệ sau thu hoạch	50	22	56	15	70	12
7620109	Nông học	60	21	40	24	60	
7620113	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	50	10	25	10	50	
7620305	Quản lý (nguồn lợi) thủy sản	50	8	30	13	40	7
7540301	Công nghệ chế biến lâm sản	30	9	35		50	
7620201	Lâm nghiệp (Lâm học)	100	27	70	21	80	
7620202	Lâm nghiệp đô thị	30		35		50	
7620211	Quản lý tài nguyên rừng	70	13	70	20	80	17
7620102	Khuyến nông	50		40	22	50	10
7420203	Sinh học ứng dụng					50	14
7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ					40	
	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT</b>						
7140222	Sư phạm Mỹ thuật	10	4	10	6	15	4

7210103	Hội họa	7	3	7		15	4
7210105	Điêu khắc	3	1	3		5	1
7210404	Thiết kế Thời trang	14	5	14	6	20	4
7580108	Thiết kế Nội thất	28	13	21	6	30	5
	<b>PHÂN HIỆU ĐHH TẠI QUẢNG TRỊ</b>						
7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	48	6	16	3	40	1
7580201	Kỹ thuật xây dựng	48	7	16	7	40	3
7520201	Kỹ thuật điện	48	11	16	2	40	8
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa					40	2
7580301	Kinh tế xây dựng			16	2	40	2
7220201	Ngôn ngữ Anh					50	
7340101	Quản trị kinh doanh					30	
7480201	Công nghệ thông tin					50	
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành					50	
	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM</b>						
7140210	Sư phạm Tin học	65	4	60		50	
7140211	Sư phạm Vật lý	114	62	90	9	55	
7140213	Sư phạm Sinh học	85	28	60		55	
7140205	Giáo dục Chính trị	73	75	120	31	80	12
7140218	Sư phạm Lịch sử	73	56	60	6	60	10
7140219	Sư phạm Địa lý	93	90	105	10	60	10
7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	28	20	50	14	60	12
T140211	Vật lý (đào tạo theo chương trình tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh theo chương trình đào tạo của Trường Đại học Virginia, Hoa Kỳ)	30	7	30		30	
7140204	Giáo dục công dân					60	9
7140246	Sư phạm Công nghệ					60	
7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên					60	
7140248	Giáo dục pháp luật					60	
7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý					120	
7480104	Hệ thống thông tin					60	4

<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC</b>							
7220301	Triết học	60	35	60	13	35	
7220310	Lịch sử	100	18	50		35	5
7310301	Xã hội học	60	40	60	11	40	10
7420201	Công nghệ sinh học	100	74	100	36	70	15
7440102	Vật lý học	60		40		35	
7440112	Hoá học	100	35	60	11	40	4
7440301	Khoa học môi trường	100	14	60		50	
7220104	Hán - Nôm	30	18	30	10	35	13
7220320	Ngôn ngữ học	40	12	40	9	35	11
7220330	Văn học	120	27	70	25	45	12
7460101	Toán học	50		40		35	
7520501	Kỹ thuật địa chất	100		40		35	4
7310108	Toán kinh tế					40	
7420202	Kỹ thuật sinh học					40	
7480103	Kỹ thuật phần mềm					150	25
7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học					50	9
7520320	Kỹ thuật môi trường					40	6
7580105	Quy hoạch vùng và đô thị					50	
7580211	Địa kỹ thuật xây dựng					40	

*Nguồn: Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế.*

### **PHỤ LỤC 5**

#### **Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ**

<b>TT</b>	<b>Loại hình</b>	<b>Năm 2019</b>		<b>Năm 2020*</b>	
		<b>Số lượng</b>	<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>
<b>I</b>	<b>Thực hiện các nhiệm vụ KHCN các cấp</b>				
1	Nhiệm vụ/đề tài cấp Quốc gia	04	18.070	2	2.380
2	Đề tài nghiên cứu cơ bản (NAFOSTED)	14	11.790	-	-

3	Chương trình KHCN cấp Bộ	01	4.510	0	0
4	Đề tài KHCN cấp Bộ	17	8.970	18	8.550
5	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ khác (quỹ gen, SXTN, BVMT)	01	800	1	300
6	Đề tài cấp Đại học Huế	136	11.260	139	14.297
7	Đề tài cấp Tỉnh	10	8017	5	4762
8	Đề tài cấp cơ sở (Trường, Viện, Khoa...)	309	3.217	309	3.484
<b>II</b>	<b>Các kết quả khoa học và công nghệ khác</b>				
1	Số bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín (WoS/ISI, Scopus)**	283 (Scopus) 270 (WoS) 415 (tổng)		400 (Scopus)* 340 (WoS)* 495 (tổng)**	
2	Số sản phẩm được chuyển giao, thương mại hóa	0	0	0	0
3	Số sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	4	9,12	3	7,05

\*Số liệu đến 23/12/2020    \*\*Ước tính với giả thiết khoảng 50% số tạp chí vừa thuộc WoS, vừa thuộc Scopus.

Nguồn: Ban Khoa học công nghệ và Quan hệ quốc tế Đại học Huế.

## PHỤ LỤC 6

### Số lượng hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế

TT	Đơn vị	Năm học 2018 – 2019		Năm học 2019 – 2020	
		Hội thảo, hội nghị trong nước	Hội thảo, hội nghị quốc tế	Hội thảo, hội nghị trong nước	Hội thảo, hội nghị quốc tế
1.	Trường ĐH Y Dược		33		11
2.	Trường ĐH Sư phạm	1	1		
3.	Trường ĐH Nông Lâm	8	9		01
4.	Trường ĐH Kinh tế	1	2		03
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ	4	1		02
6.	Trường ĐH Khoa học	3			01

7.	Trường ĐH Luật	8	5		01
8.	Trường ĐH Nghệ thuật				
9.	Phân hiệu Quảng Trị	1	1		
10.	Khoa Giáo dục Thể chất	1			
11.	Khoa Du lịch				
12.	Khoa Quốc tế	5	1		01
13.	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ				
14.	Viện TN&MT	2			
15.	Viện CNSH	1			
16.	Trung tâm Học liệu	1	4		
17.	Cơ quan Đại học Huế				01
<b>Tổng cộng</b>		<b>36</b>	<b>35</b>	<b>58</b>	<b>21</b>

*Nguồn: Ban Khoa học công nghệ và Quan hệ quốc tế Đại học Huế.*

**PHỤ LỤC 7**  
**Kết quả công tác hợp tác quốc tế**

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Đoàn vào</b>	<b>Đoàn ra</b>	<b>Số lượng văn bản ký kết thỏa thuận, hợp tác</b>	<b>Số lượng chương trình, dự án HTQT</b>
1.	Trường ĐH Y Dược	150	48	11	08
2.	Trường ĐH Nông Lâm	25	56		05
3.	Trường ĐH Sư phạm	16	13		
4.	Trường ĐH Kinh tế	9	13		
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ	31	9	03	
6.	Trường ĐH Khoa học	31	18	04	04
7.	Trường ĐH Luật	4	4		
8.	Trường ĐH Nghệ thuật	3	01		
9.	Cơ quan Đại học Huế	30	11	14	06
10.	Khoa Du lịch	4	8	02	
11.	Khoa Quốc tế	8	01		
12.	Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị	0			



13.	Viện TN&MT	01	01		01
14.	Viện CNSH	05	02		01
15.	Viện ĐTM&CNTT		01		
<b>Tổng cộng</b>		<b>322</b>	<b>186</b>	<b>34</b>	<b>25</b>

Nguồn: Ban Khoa học công nghệ và Quan hệ quốc tế Đại học Huế.

**PHỤ LỤC 8**  
**Xếp hạng của Đại học Huế năm học 2019-2020**

Năm	Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
Xếp hạng QS-Asia*	6 (451-500)		6 (401-450)	
Xếp hạng Webometrics** <sup>a</sup>	10 (3704)	8 (3780)	7 (3658)	7 (2740)
Xếp hạng UniRank	12		14	
Xếp hạng URAP			8 (2387/2500)	

\* Số trong ngoặc là thứ hạng Châu Á.

\*\* Webometrics mỗi năm công bố 2 đợt xếp hạng vào tháng 2 và tháng 7.

\*\*<sup>a</sup> Số trong ngoặc là thứ hạng thế giới.

Nguồn: Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế

**PHỤ LỤC 9**  
**Tình hình tài chính năm 2019, 2020 và kế hoạch dự toán năm 2021 của Đại học Huế**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Ước năm 2020		Kế hoạch Năm 2021		So sánh 2020/2019	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	<b>Tổng số</b>	<b>1.387.383</b>	<b>100,0</b>	<b>1.377.734</b>	<b>100,0</b>	<b>1.536.144</b>	<b>100,0</b>	<b>(9.649)</b>	<b>99,3</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác</b>	<b>1.026.895</b>	<b>74,0</b>	<b>1.008.320</b>	<b>73,2</b>	<b>1.209.984</b>	<b>78,8</b>	<b>(18.575)</b>	<b>98,2</b>

1	Học phí	542.514	52,8	569.796	56,5	683.755	56,5	27.282	105,0
	<i>Chia ra:</i>								
	- Chính quy	350.865		400.427		480.512			
	- Không chính quy	132.059		103.820		124.584			
	- Sau đại học	59.590		65.549		78.659			
2	Lệ phí (tuyển sinh, thi viên chức)	4.961	0,5	5.455	0,5	6.546	0,5	494	110,0
3	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ (KCB, dịch vụ đào tạo, khác)	450.273	43,8	401.007	39,8	481.208	39,8	(49.266)	89,1
4	Thu sự nghiệp khác, viện trợ	29.147	2,8	32.062	3,2	38.474	3,2	2.915	110,0
<b>II</b>	<b>Kinh phí NSNN cấp</b>	<b>360.488</b>	<b>26,0</b>	<b>369.414</b>	<b>26,8</b>	<b>326.160</b>	<b>21,2</b>	<b>8.926</b>	<b>102,5</b>
A	<i>Dự toán chi thường xuyên</i>	<i>228.373</i>	<i>63,4</i>	<i>203.140</i>	<i>55,0</i>	<i>196.361</i>	<i>60,2</i>	<i>(25.233)</i>	<i>89,0</i>
1	Đào tạo ĐH-CĐ (070-081)	224.891		175.240		192.764			
2	Đào tạo SDH (070-082)	3.482		3.270		3.597			
3	Hỗ trợ đặc thù (070-081)			24.630					
B	<i>Dự toán chi không thường xuyên</i>	<i>129.521</i>	<i>35,9</i>	<i>153.545</i>	<i>41,6</i>	<i>12.005</i>	<i>3,7</i>	<i>24.024</i>	<i>118,5</i>
4	Kinh phí đối ứng dự án ODA	200		100		105			
5	Sự nghiệp môi trường (250-251)	1200		300		315			
6	Khoa học công nghệ (100-101)	11.857		10.231		10.743			
7	Đào tạo HS Lào (400-402)	601		710		746			
8	DA tăng cường dạy và học ngoại ngữ	12.300		5.696					
9	DA nâng cao NL Tr. ĐHS (ETEP)	19.166		39.142					
10	DA Trường ĐHYD (HPET)	18.310		37.075					

11	Chương trình Cải thiện dịch vụ y tế (Trường ĐHYD - Vốn vay WB)	16.745		0					
12	Kinh phí hỗ trợ chế độ sinh viên (miễn giảm HP, hỗ trợ CPHT, trợ cấp XH,..) và hỗ trợ khác (070-081)	48.142		60.291		97			
13	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ biển đảo	1.000		0					
<b>C</b>	<b>NSNN Chi đầu tư XD CB</b>	<b>2.594</b>	<b>0,7</b>	<b>12.729</b>	<b>3,4</b>	<b>117.794</b>	<b>36,1</b>	<b>10.135</b>	<b>490,7</b>
14	NSNN trong nước	368		6.694		77.794			
15	Vốn ODA (Vốn vay WB)	2.226		6.035		40.000			

Nguồn: Ban Kế hoạch, tài chính và Cơ sở vật chất

**PHỤ LỤC 10**  
**Cơ cấu các khoản chi tiêu năm 2019 của Đại học Huế**

Đơn vị tính: triệu đồng

S TT	Chỉ tiêu	Tổng chi trong năm 2019		Chia ra							
				Thanh toán cá nhân		Nghịệp vụ chuyên môn		Mua sắm, sửa chữa TSCĐ và XD CB		Trích lập quỹ, chi khác	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
A	B	1 = 3+5+7+9	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>A</b>	<b>Nguồn từ h/động sự nghịệp</b>	<b>835.101</b>	<b>71,6</b>	<b>268.880</b>	<b>59,0</b>	<b>406.829</b>	<b>81,6</b>	<b>59.030</b>	<b>55,7</b>	<b>98.874</b>	<b>94,0</b>
1	Thu phí, lệ phí	-	-		-		-		-		-
2	Hoạt động sản xuất, dịch vụ	775.858	66,5	265.189	58,2	392.621	78,8	23.506	22,2	94.542	89,9
3	Hoạt động tài chính, khác	1.488	0,1				-				1.488
4	Dự án nguồn khác	22.315	1,9	3.691	0,8	14.208	2,8	84	0,1	4.332	4,12
5	Dự án đầu tư XD CB	35.440	3,0					35.440	33,4		

<b>B</b>	<b>Nguồn NSNN cấp</b>	<b>331.574</b>	<b>28,4</b>	<b>186.531</b>	<b>41,0</b>	<b>91.736</b>	<b>18,4</b>	<b>47.017</b>	<b>44,3</b>	<b>6.287</b>	<b>6,0</b>
1	Nguồn chi thường xuyên	230.008	69,4	160.601	86,1	44.498	48,5	19.385	41,2	5.523	87,8
	Đào tạo đại học	226.532		160.601		41.028		19.385		5.517	
	Đào tạo sau đại học	3.476		-		3.470		-		6	
2	Nguồn chi không th/xuyên	78.763	23,8	25.931	13,9	30.002	32,7	22.065	46,9	765	12,2
3	Nguồn vay nợ nước ngoài	20.072	6,1	-	0,0	17.237	18,8	2.835	6,0	-	0,0
4	Nguồn chi đầu tư XDCB	2.732	0,8	-		-	0,0	2.732	5,8	-	
	NSNN trong nước	548						548			
	Vốn ODA (Vốn vay WB)	2.184						2.184			
	<b>Tổng chi</b>	<b>1.166.675</b>	<b>100</b>	<b>455.411</b>	<b>39,0</b>	<b>498.565</b>	<b>42,7</b>	<b>106.047</b>	<b>9,1</b>	<b>105.161</b>	<b>9,0</b>

Nguồn: Ban Kế hoạch, tài chính và Cơ sở vật chất

**PHỤ LỤC 11**  
**Tình hình biên chế, quỹ tiền lương năm 2020 của Đại học Huế**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Đơn vị	Số biên chế được giao	Số biên chế thực có mặt đến 31/12/2019	Số lao động hợp đồng đến 31/12/2019	TỔNG QUỸ LƯƠNG						Ghi chú
					Năm 2019			Ước Năm 2020			
					Tổng cộng	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số HĐ	Tổng cộng	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số biên chế	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với số HĐ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Trường ĐH Khoa học	370	401	27	<b>40,00</b>	38,34	1,66	<b>40,72</b>	39,06	1,66	

2	Trường ĐH Sư phạm	375	364	52	<b>45,00</b>	45,00	-	<b>47,00</b>	47,00	-
3	Trường ĐH Y Dược	472	469	736	<b>82,40</b>	46,30	36,10	<b>129,20</b>	93,10	36,10
4	Trường ĐH Nông lâm	365	390	31	<b>42,89</b>	41,94	0,95	<b>43,66</b>	42,71	0,95
5	Trường ĐH Nghệ thuật	85	81	13	<b>9,00</b>	9,00	-	<b>10,00</b>	10,00	-
6	Trường ĐH Ngoại ngữ	295	270	26	<b>26,60</b>	26,60	-	<b>27,30</b>	27,30	-
7	Trường ĐH Kinh tế	255	277	44	<b>23,30</b>	23,30	-	<b>26,00</b>	26,00	-
8	Trường ĐH Luật	127	106	42	<b>9,10</b>	7,40	1,70	<b>10,90</b>	9,20	1,70
9	Phân hiệu Quảng Trị	28	28	22	<b>6,72</b>	3,10	3,62	<b>7,22</b>	3,60	3,62
10	Trung tâm GDQP&AN	30	20	28	<b>4,60</b>	3,00	1,60	<b>4,90</b>	3,30	1,60
11	Trung tâm PVSU	8	8	30	<b>2,90</b>	0,90	2,00	<b>3,00</b>	1,00	2,00
12	Trung tâm GD Quốc tế		3	2	-	-	-	-	-	-
13	Nhà xuất bản	5	4	4	<b>0,60</b>	0,40	0,20	<b>0,60</b>	0,40	0,20
14	Viện Tài nguyên và MT	12	10	9	<b>1,60</b>	1,00	0,60	<b>1,60</b>	1,00	0,60
15	Viện Công nghệ sinh học	23	26	12	<b>1,43</b>	0,87	0,56	<b>1,76</b>	1,20	0,56
16	Viện Đào tạo Mở và CNTT	20	20	59	<b>1,70</b>	1,70	-	<b>1,60</b>	1,60	-
17	Viện NVGD & GLQT									
18	Trung tâm KN & ĐMST	5	-					<b>0,25</b>	0,25	-

19	Cơ quan ĐHH (bao gồm cả 4 Khoa trực thuộc)	275	263	93	<b>30,01</b>	23,09	6,92	<b>31,30</b>	24,13	7,17	
	<b>Tổng cộng ĐHH</b>	<b>2.750</b>	<b>2.740</b>	<b>1.230</b>	<b>327,85</b>	<b>271,94</b>	<b>55,91</b>	<b>387,01</b>	<b>330,85</b>	<b>56,16</b>	

Nguồn: Ban Kế hoạch, tài chính và Cơ sở vật chất

### PHỤ LỤC 12

#### Tình hình chi tiêu qua 3 năm 2018 - 2020 và kế hoạch năm 2021 Từ nguồn điều hành học phí các đơn vị

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	TH năm 2018	TH năm 2019	TH năm 2020	KH TH năm 2021	Ghi chú
1	Hoạt động Đảng, Đoàn thể	600	800	1.415	800	Năm 2020: Đại hội Đảng bộ ĐHH
2	Hỗ trợ Viện Công nghệ sinh học		216			Năm 2019 giao KP bổ sung tiền lương: 166 tr, hỗ trợ hội thảo quốc tế 50 tr
3	Hỗ trợ Trung tâm GDQP&AN		60			Hội thảo KHCN
4	Kinh phí ĐBCLGD, xếp hạng đại học	500	500	600	600	
5	Hỗ trợ Trường ĐH Nghệ thuật	1.400	845			Năm 2018: xử lý nợ từ 2016 về trước; Năm 2019: giao KP tiền lương: đợt 1: 500 tr, đợt 2: 345,308 tr
6	Hỗ trợ Trường ĐH Khoa học		140			Hội thảo KH địa lý toàn quốc năm 2019 lần thứ 11: 60 tr, Hội nghị Fair 80 tr
7	Hỗ trợ Trường ĐH Kinh tế		130			Hội thảo quốc tế
8	Phí Internet trực tiếp, FTTH, máy chủ	320	338	473		
9	Đ/ứng XD các DA XD CB, KTX và chuẩn bị đầu tư	293	6.000		3.172	

10	Đền bù GPMB DAĐT GD 2, 3 và Viện CNSH (Hương Thọ)	3.000	4.000	5.700	-	
11	Hội trường 600 chỗ tại số 4 Lê Lợi	7.000				
12	Đối ứng nhà học trường ĐHNT	635				
13	Đối ứng nhà thi đấu thể thao Khoa GDTC	1.293				
14	Chi h/đ chung của ĐHH, lương và BHXH của LĐHH	2.700	2.700	2.800	2.800	
15	BV LATS cấp ĐHH, mở ngành, ngân hàng đề, liên kết đào tạo	500	500	700	700	
16	Chi hỗ trợ các đơn vị khó khăn	1.500	1.011	1.000	1.000	
17	Chi hỗ trợ tuyển sinh ĐH, tư vấn và QBTS	500	1.128	1.500	1.500	
18	Đại hội TDĐT, giải việt dã truyền thống	200				
20	Bổ sung Quỹ khen thưởng ĐHH	800	1.200	1.300	1.300	
21	Hỗ trợ hoạt động hành chính đại học vùng	1.000	1.000	1.500	1.500	
22	Đối ứng hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo			500	500	
23	Hỗ trợ trang thiết bị, CSVC Khoa mới thành lập			1.000		
24	Hội đồng chuyên môn, XD chương trình, bài giảng, quảng bá cho các ngành đào tạo liên kết có yếu tố nước ngoài	500	500	600	600	
25	Quỹ phúc lợi chung toàn ĐHH	1.300	3.050	3.500	4.000	
26	Chi các h/động các lớp bồi dưỡng, hội thảo, tập huấn cấp ĐHH	500	500	500	500	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.541</b>	<b>24.618</b>	<b>23.088</b>	<b>18.972</b>	

*Nguồn: Ban Kế hoạch, tài chính và Cơ sở vật chất*

**PHỤ LỤC 13**  
**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chung khoa học công nghệ năm 2020**  
**(Nguồn: điều hành học phí và kinh phí cấp bù sự phạm)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Nội dung các hoạt động/nhiệm vụ</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Thuyết minh</b>
<b>A</b>	<b>Tổng nguồn kinh phí</b>	<b>22.497,0</b>	
<b>I</b>	<b>Kinh phí điều hành hoạt động KH&amp;CN của ĐHH năm 2020</b>	<b>19.257,0</b>	
1	Thực hiện đề tài cấp ĐHH	12.918,5	Đề tài năm 2019 chuyển tiếp và đề tài mới năm 2020, Theo chi tiết tại mục B
2	Kinh phí điều hành nhiệm vụ chung về KH&CN	6.338,5	Theo chi tiết tại mục B
<b>II</b>	<b>Phần thu chuyển giao Bokashi Tràu còn lại chuyển sang</b>	<b>240,0</b>	Theo chi tiết tại mục B
<b>III</b>	<b>Số dư năm 2019 chuyển sang 2020</b>	<b>3.000,0</b>	Theo chi tiết tại mục B
<b>B</b>	<b>Chi cho các hoạt động KH&amp;CN</b>	<b>22.497,0</b>	
1	Kinh phí thực hiện đề tài cấp ĐHH	12.918,5	129 đề tài KH&CN cấp Đại học Huế 2019 chuyển tiếp (5.240,6trđ) + 133 đề tài KH&CN cấp Đại học Huế 2020 (6.596,38trđ) + quản lý phí của ĐHH (244,02trđ).
2	Chi các hoạt động về phát triển CN, SHTT, chuyển giao, thương mại hóa	1.090,0	Tập huấn về sở hữu trí tuệ; Hỗ trợ đăng ký SHTT các kết quả nghiên cứu; Hỗ trợ chuyển giao, thương mại hoá SP nghiên cứu; Xây dựng đề án thành lập HU-Holdings và các thành viên; Hỗ trợ thành lập, chuyển đổi sang doanh nghiệp KH&CN; ...
3	Hỗ trợ các nhóm nghiên cứu mạnh Đại học Huế	1.932,9	Hỗ trợ 15 nhóm NCM (8 nhóm cũ và 7 nhóm mới 2020) tìm kiếm, xây dựng, triển khai các nhiệm vụ KH&CN qui mô lớn và hiệu quả, tăng bài báo ISI và SP ứng dụng.



4	Hỗ trợ đối ứng các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, Quốc gia	450,0	Hỗ trợ kinh phí đối ứng Đề tài KH&CN cấp Bộ và xây dựng dữ liệu tập trung các nhiệm vụ KH&CN, xây dựng các Chương trình KH&CN cấp Bộ
5	Các hội nghị, hội thảo, triển lãm	820,0	Hỗ trợ hội thảo khoa học sinh viên toàn quốc khối các trường TDĐT; Hội nghị giao ban KH&CN các ĐH quốc gia và đại học vùng; Hỗ trợ các hội nghị hội thảo khác
6	Nhiệm vụ Phát triển tiềm lực KH&CN	487,5	Tổ chức hội nghị các nhóm NCM; Hỗ trợ đăng ký nhóm nghiên cứu Quỹ NAFOSTED; Xây dựng đề án Quỹ Phát triển KH&CN ĐHH; ...
7	Khen thưởng khuyến khích tài năng	2.145,3	Khen thưởng các tác giả có bài báo ISI/Scopus, tiến sĩ trẻ, giáo sư, phó giáo sư trẻ, Nhà KH đạt giải thưởng cấp Bộ, cấp QG trở lên về KH&CN...(tăng 25% so với năm 2019)
8	Xét chức danh GS, PGS	167,9	Thẩm định, họp hội đồng, tập huấn, thu nhận, vận chuyển hồ sơ... theo kế hoạch của H&CDGSNN; Hội đồng, tổ chức xét, công nhận GS Danh dự của ĐHH năm 2020
9	Hỗ trợ hội nghị CNSH toàn quốc (Viện CNSH tổ chức)	300,0	Công tác phí, họp các hội đồng, họp đồng giao khoán sản phẩm,...
10	Tổ chức xác định/tuyển chọn, nghiệm thu các nhiệm vụ cấp Bộ và cấp ĐHH. Tập huấn về quản lý đề tài, nhiệm vụ KH&CN các cấp	400,0	Theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT và của Đại học Huế
11	Hỗ trợ hoạt động KH&CN cơ sở các đơn vị mới, khó khăn	300,0	Triển khai các nhiệm vụ cơ sở năm 2020 của đơn vị (Trường ĐHNT, Khoa Quốc tế; Khoa KT-CN; CQĐHH).
12	Các h/đ truyền thông KH&CN và MT	150,0	Tổ chức các hoạt động ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Ngày MTTG
13	Giải thưởng SV nghiên cứu khoa học cấp Đại học Huế	64,0	Họp HĐ xét chọn, giải thưởng cấp ĐH Huế
14	Kinh phí cho nhiệm vụ, đề tài đặt hàng	1.000,0	
15	Khác	271,0	

**PHỤ LỤC 14**

**Bảng tổng hợp điều hành học phí và khoa học công nghệ năm 2020 đến ngày 26 tháng 12 năm 2020**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Số TT	Đơn vị	Số nợ 2019 trở về trước		Kê hoạch số phải thu 2020		Số tiền đã thu 2020		Số tiền còn phải thu 2020	Ghi chú
		Điều hành HP	KHCN	Điều hành HP	KHCN	Điều hành HP	KHCN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1+2+3+4-5-6	8
1	Trường ĐH Y Dược	931		5.920	6.028	6.851	6.028	-	<i>Đã hoàn thành</i>
2	Trường ĐH Nghệ Thuật	1.302		194	164	100	164	1.396	
3	Trường ĐH Ngoại Ngữ	85		2.192	1.623	2.277	1.623	(0)	<i>Đã hoàn thành</i>
4	Trường ĐH Khoa học	2.011		2.637	1.661	3.011	1.661	1.637	
5	Trường ĐH Sư phạm	1.522		1.118	1.813	1.522	1.813	1.118	
6	Trường ĐH Kinh tế	3.837		3.374	2.080	5.337	2.080	1.874	
7	Trường ĐH Nông lâm	1.122		2.350	1.551	3.398	1.551	74	
8	Trường ĐH Luật	2.684		2.974	2.343	5.183	2.343	475	
9	PH ĐHH tại Quảng trị	(30)		53	114	23	114	-	<i>Đã hoàn thành</i>
10	Cơ quan Đại học Huế	-		-	38	-	38	-	<i>Đã hoàn thành</i>
11	Khoa Du Lịch	46		1.315	805	1.361	805	-	<i>Đã hoàn thành</i>

12	Khoa Giáo dục Thể chất	(4)		380	276	376	276	-	<i>Đã hoàn thành</i>
15	Trung tâm GDQP&AN	19		392	268	219	268	192	
16	Trung tâm GDQT	222	24	236	47	-	-	529	
17	Trung tâm PVSV	64		348	70	64	30	388	
18	Nhà xuất bản	98		95	19	98	19	95	
19	Viện TNMT	81		184	37	81	37	184	
20	Viện CNSH	1		7	47	8	47	0	<i>Đã hoàn thành</i>
21	Viện Đào tạo Mở và CNTT	450	211	422	270	422	270	661	
22	Viện NCGD và GLQT	-		14	3	-	-	17	
<b>Tổng cộng</b>		<b>14.443</b>	<b>235</b>	<b>24.205</b>	<b>19.257</b>	<b>30.332</b>	<b>19.167</b>	<b>8.641</b>	
		<b>14.678</b>		<b>43.462</b>		<b>49.499</b>		<b>85,1%</b>	

- Ghi chú:**
- Kinh phí điều hành học phí sẽ điều chỉnh vào cuối năm 2020 theo số liệu thực tế của đơn vị;
  - Kinh phí điều tiết khoa học công nghệ đạt 100% kế hoạch năm 2020;
  - Tổng kinh phí điều hành đã nộp đạt: 85,1% kế hoạch năm./.

*Nguồn: Ban Kế hoạch, tài chính và Cơ sở vật chất*

**PHỤ LỤC 15**  
**Tình hình chế độ chi tiền lương tăng thêm, chi phúc lợi các đơn vị năm 2020**

STT	Đơn vị	Hệ số tăng thêm cho toàn bộ CBVC-LĐ	Hệ số tăng thêm cho cán bộ hành chính	Chi từ quỹ phúc lợi (triệu đồng/người/năm)	Thu nhập bình quân các đơn vị năm 2020 (đ/người)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5
1	Trường ĐH Kinh tế	0,2	0,25	9,5	9.200.000	
2	Trường ĐH Y Dược	0,3	0,25	6Trđ + 1 tháng LTT và 1 khoản 4,5tr trở lên	12.932.000	không có BV
3	Trường ĐH Luật	1,2-2 (trđ/người/tháng)	0,25	25,2	8.890.500	
4	Khoa Du lịch	0,3	0,25	- VC, HĐ DH: 6,0 - HĐNH: 3,0	7.500.000	
5	Trường ĐH Sư phạm	0,05	0,3	- VC, HĐ trên 10 năm: 6,3 - HĐXĐTH từ dưới 10 năm: 4,27	10.183.000	
6	Trường ĐH Nông lâm	0	0,15	6,7	6.951.000	
7	Trường ĐH Ngoại ngữ	1trđ/CB	- VC, VCTS: 0,4 - HĐLĐ: 0,1-0,2	- VC: 4,6trđ/CB - HĐLĐ: 4,1trđ/CB	9.000.000	
8	Cơ quan ĐH Huế	0,3	0,25	6,0	9.937.000	
9	Trường ĐH Khoa học	2,8-3,0 (trđ/người/năm)	0,23	6,3	9.083.000	
10	Viện ĐT Mở và CNTT	0,15	0,15		5.791.000	
11	Nhà Xuất bản ĐHH	0	0,25	4,5	5.600.000	
12	Trung tâm GDQP&AN	1,5trđ	0,25	8,4	6.000.000	

13	Phân hiệu ĐHH tại Q.Trị	0	0,25	2,5	5.800.000
14	Trung tâm Phục vụ SV	0,05	0,15	7,1	7.700.000
15	Trường ĐH Nghệ thuật				5.500.000
16	Khoa Giáo dục thể chất			5,1	7.724.000
17	Viện Công nghệ Sinh học	-	-	2,2	5.420.000
18	Viện Tài nguyên MT	-	-	6,0	4.955.000

*Nguồn: Ban Kế hoạch, tài chính và Cơ sở vật chất*

### PHỤ LỤC 16

**Tình hình các quỹ và số dư nguồn kinh phí năm 2019 chuyển sang năm 2020 sử dụng**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Các đơn vị	Số dư đầu kỳ	Trích lập, bổ sung	Đã sử dụng	Số dư quỹ chuyển sang năm 2020	Số dư nguồn kinh phí thường xuyên chuyển sang 2020	Tổng cộng
A	B	1	2	3	4=1+2-3	5	6=4+5
1	Trường ĐH Kinh tế	13.762	14.997	17.576	11.183		11.183
2	Trường ĐH Y Dược	189.175	227.288	38.926	377.537		377.537
3	Trường ĐH Luật	68.531	33.319	10.833	91.017		91.017
4	Trường ĐH Khoa học	21.840	24.352	4.959	41.234		41.234
5	Trường ĐH Sư Phạm	25.045	14.498	13.625	25.918		25.918
6	Trường ĐH Nông Lâm	59.059	21.407	26.529	53.937		53.937
7	Trường ĐH Nghệ thuật	5	863	23	845		845

8	Trường ĐH Ngoại ngữ	27.320	16.827	10.126	34.021		34.021
9	Phân hiệu ĐHH tại QT	0			0		0
10	Khoa Du lịch	14.022	9.512	9.664	13.869		13.869
11	Khoa Giáo dục TC	425	2.943	443	2.925		2.925
12	Trung tâm GDTX	22.673	14.872	16.920	20.625		20.625
13	Trung tâm GDQP&AN	964	2.041	1.453	1.552		1.552
14	Trung tâm CNTT	168	0	43	125		125
15	Trung tâm Học liệu	583	19	164	439		439
16	Trung tâm PVSU	1.546	1.534	1.073	2.006		2.006
17	Trung tâm Giáo dục quốc tế	1.661	855	68	2.448		2.448
18	Viện TNMT	0	1.865	48	1.817		1.817
19	Viện CNSH	338	24	99	263		263
20	Viện NDGD & GLQT	0			0		0
21	Nhà Xuất bản ĐHH	209	38	32	216		216
22	Cơ quan ĐHH	50.299	29.105	23.391	56.013		56.013
	<b>Tổng Đại học Huế</b>	<b>97.622</b>	<b>416.359</b>	<b>175.992</b>	<b>737.789</b>	<b>-</b>	<b>737.789</b>

*Nguồn: Ban Kế hoạch, tài chính và Cơ sở vật chất*

**PHỤ LỤC 17**  
**Kế hoạch đối ứng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2019 - 2021**

*Đvt: triệu đồng*

STT	Đơn vị	Tổng số đối ứng	Chia ra:			Năm hoàn thành
			Đã nộp đối ứng đến 26/12/2020	Số kinh phí còn phải nộp		
				Năm 2020	Năm 2021	
<b>1</b>	<b>Đại học Huế</b>	<b>16.361</b>	<b>15.469</b>	<b>-</b>	<b>3.172</b>	
	Giảng đường học chung số 4 Lê Lợi	0.196	10.196			Năm 2018
	Đền bù GPMB dự án đầu tư GD 2 ĐH Huế	6.165	.273		892	Năm 2020
	Nhà làm việc và thư viện các trường	.180	-		2.280	
<b>2</b>	<b>Trường ĐH Khoa học</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	<b>3.000</b>	
	Khu thí nghiệm cơ bản	4.000	4.000			Năm 2017
	Nhà làm việc và thư viện các trường	3.000			3.000	
<b>3</b>	<b>Trường ĐH Luật</b>	<b>7.516</b>	<b>7.516</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	Nhà làm việc Khoa luật- Đại học Huế	7.516	7.516			Năm 2017
<b>4</b>	<b>Trường ĐH Kinh tế</b>	<b>15.555</b>	<b>15.000</b>	<b>-</b>	<b>3.555</b>	
	Nhà hiệu bộ và hội trường	15.555	15.000		555	Năm 2019
	Nhà làm việc và thư viện các trường thuộc ĐHH	3.000			3.000	
<b>5</b>	<b>Trường ĐH Ngoại ngữ</b>	<b>11.500</b>	<b>11.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	Khu học tập chuyên ngành	11.500	11.500			Năm 2018
<b>6</b>	<b>Trường ĐH Y dược</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	Khu học và thí nghiệm	10.000	10.000			Năm 2018
<b>7</b>	<b>Trường ĐH Sư phạm</b>	<b>7.921</b>	<b>7.921</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	Nhà học 4 tầng	7.921	7.921			Năm 2018
<b>8</b>	<b>Trường ĐH Nông lâm</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>	

	Nhà học- thí nghiệm thuỷ sản	3.000	3.000			Năm 2018
	Nhà làm việc và thư viện các trường thuộc ĐHH	2.000			2.000	
<b>9</b>	<b>Khoa Du lịch</b>	<b>2.629</b>	<b>2.000</b>	<b>-</b>	<b>629</b>	
	Xây dựng hạ tầng Khoa Du lịch	2.629	2.000		629	Năm 2021
	<b>Tổng cộng</b>	<b>86.072</b>	<b>76.406</b>	<b>-</b>	<b>12.356</b>	

*Nguồn: Ban Kế hoạch, tài chính và Cơ sở vật chất*

**PHỤ LỤC 18**  
**Kết quả xây dựng và trang bị cơ sở vật chất giai đoạn 2018 – 2020**

TT	Các loại công việc	Số lượng (m <sup>2</sup> , cái)			Giá trị (triệu đồng)		
		2018	2019	2020	2018	2019	2020
1	Xây dựng cơ bản (m <sup>2</sup> sàn)	14.695	6.830	0	0	40.000	0
2	Số lượng các công trình bàn giao	3	1	0	0	0	0
3	Số lượng các dự án đầu tư trang thiết bị	0	4	6	0	60.000	80.000
4	Giảng đường, phòng học (m <sup>2</sup> sàn)	5.300	3.420	0	37.939	20.000	0
5	Thư viện (m <sup>2</sup> sàn)		0	0	0	0	0
6	Phòng thí nghiệm, xưởng thực tập (m <sup>2</sup> sàn)	5.010	0	0	31.976	0	0
7	Ký túc xá (m <sup>2</sup> sàn)		0	0	0	0	0
8	Nhà làm việc (m <sup>2</sup> sàn)	4.385	3.410	0	34.614	20.000	0

*Nguồn: Ban Kế hoạch Tài chính và Cơ sở vật chất*